**PHỤ LỤC II**

**CÁCH XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ ĐỂ TÍNH THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG THEO QUY ĐỊNH CHỐNG XÓI MÒN CƠ SỞ THUẾ TOÀN CẦU**

1. **Cách xác định nơi cư trú của đơn vị hợp thành:**

Nơi cư trú của một đơn vị hợp thành được xác định theo quy định tại khoản 17 Điều 3 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Trong một số trường hợp, nơi cư trú của đơn vị hợp thành được xác định như sau:

1. Nơi cư trú của một đơn vị trung chuyển

1.1. Trường hợp đơn vị trung chuyển là công ty mẹ tối cao của tập đoàn đa quốc gia hoặc thuộc đối tượng áp dụng quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (sau đây viết tắt là IIR) theo Điều 10 Nghị định này, thì nơi cư trú của đơn vị trung chuyển này là nước nơi công ty đó được thành lập;

1.2. Trong các trường hợp khác, công ty đó sẽ được coi là một công ty không xác định được nước nơi cư trú.

2. Nơi cư trú của cơ sở thường trú được xác định như sau:

2.1. Đối với cơ sở thường trú quy định tại khoản 3.1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, thì nơi cư trú của cơ sở thường trú là nước xác định nó là một cơ sở thường trú và có quyền đánh thuế theo Hiệp định thuế được áp dụng có hiệu lực.

2.2. Đối với cơ sở thường trú quy định tại khoản 3.2 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, thì nơi cư trú của cơ sở thường trú đó là nước nơi nó phải chịu thuế trên cơ sở lợi nhuận ròng dựa trên sự hiện diện hoạt động kinh doanh của cơ sở thường trú đó;

2.3. Đối với cơ sở thường trú quy định tại khoản 3.3 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, thì nơi cư trú của cơ sở thường trú đó là nước nơi cơ sở thường trú đó hiện diện;

2.4. Đối với cơ sở thường trú quy định tại khoản 3.4 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, thì cơ sở thường trú đó được coi là cơ sở thường trú không xác định được nước nơi cư trú.

3. Trường hợp một đơn vị hợp thành quy định tại khoản 17 Điều 3 Nghị quyết 107/2023/QH15 là đối tượng cư trú ở nhiều nước thì nơi cư trú của đơn vị hợp thành đó được xác định như sau:

3.1. Trường hợp có Hiệp định thuế có hiệu lực thì:

3.1.1. Nơi cư trú của đơn vị hợp thành là nước mà Hiệp định thuế xác định đơn vị hợp thành đó là đối tượng cư trú;

3.1.2. Trường hợp Hiệp định thuế yêu cầu nhà chức trách có thẩm quyền phải thỏa thuận song phương để xác định nơi cư trú của một đơn vị hợp thành mà không đạt được thỏa thuận nào, thì nơi cư trú của đơn vị hợp thành được xác định theo quy định tại khoản 3.2 Mục này;

3.1.3. Trường hợp Hiệp định thuế không quy định miễn hoặc giảm thuế vì đơn vị hợp thành là đối tượng cư trú của cả hai bên ký kết, thì nơi cư trú của đơn vị hợp thành được xác định theo quy định tại khoản 3.2 Mục này.

3.2. Trường hợp không có Hiệp định thuế có hiệu lực, thì nơi cư trú của đơn vị hợp thành được xác định như sau:

3.2.1. Nơi cư trú của đơn vị hợp thành là nước nơi đơn vị hợp thành có số thuế thuộc phạm vi áp dụng đã nộp trong năm tài chính lớn hơn, không bao gồm các khoản thuế đã nộp theo Quy định về thuế đối với công ty nước ngoài bị kiểm soát (được viết tắt là CFC);

3.2.2. Nếu số thuế thuộc phạm vi áp dụng đã nộp ở cả hai nước bằng nhau hoặc bằng không (0), nơi cư trú của đơn vị hợp thành sẽ được xác định là nước nơi đơn vị hợp thành có giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu lớn hơn được tính trên cơ sở từng đơn vị hợp thành theo quy định tại khoản 6 Mục II Phụ lục này;

3.2.3. Nếu giá trị tài sản hữu hình và tiền lương theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được trừ ở cả hai nước bằng nhau hoặc bằng không (0), thì đơn vị hợp thành được xác định là đơn vị hợp thành không xác định được nước nơi cư trú, trừ trường hợp đơn vị hợp thành này là công ty mẹ tối cao của tập đoàn đa quốc gia, thì đơn vị hợp thành đó sẽ được xác định là đặt tại nước nơi đơn vị hợp thành đó được thành lập.

Quy định tại khoản này áp dụng đối với từng năm tài chính và các trường hợp khi có nhiều hơn hai nước liên quan.

4. Trường hợp áp dụng quy định tại khoản 3 Mục này mà công ty cư trú ở cả hai nước, trong đó một nước không yêu cầu thực hiện theo IIR đạt chuẩn, thì nước kia có thể yêu cầu công ty đó áp dụng IIR đạt chuẩn của nước mình, trừ trường hợp điều này bị hạn chế bởi Hiệp định thuế được áp dụng có hiệu lực.

5. Trường hợp công ty đã thay đổi địa điểm cư trú của mình trong năm tài chính thì công ty sẽ được xác định là cư trú tại nước nơi công ty đó đặt trụ sở tại thời điểm đầu năm tài chính đó.

1. **CÁCH XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ ĐỂ TÍNH QDMTT**
2. **Quy định về điều chỉnh, phân bổ, đồng tiền sử dụng lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao**
	1. Các khoản điều chỉnh đối với thu nhập hoặc chi phí liên quan đến hạch toán theo giá mua việc mua lại một doanh nghiệp được phản ánh trong Báo cáo tài chính của tập đoàn đa quốc gia không được sử dụng khi xác định thu nhập hoặc lỗ ròng theo Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành. Các khoản thu nhập và chi phí (ngoài các khoản liên quan đến việc hạch toán theo giá mua việc mua lại) được phản ánh trong các báo cáo hợp nhất, không phản ánh trong các báo cáo riêng của đơn vị hợp thành, có thể được sử dụng để xác định thu nhập hoặc lỗ ròng theo Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành và thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu với điều kiện các khoản này được xác định một cách đáng tin cậy và nhất quán với các đơn vị có liên quan.

1.2. Trường hợp hợp nhất kinh doanh có ngày mua lại trước ngày 1 tháng 12 năm 2021, nếu tập đoàn đa quốc gia không có đủ hồ sơ để xác định thu nhập hoặc lỗ ròng theo Báo cáo tài chính của mình với độ chính xác hợp lý dựa trên giá trị ghi sổ chưa điều chỉnh của tài sản và nợ phải trả thì đơn vị hợp thành bị hợp nhất có thể sử dụng giá trị ghi sổ trên báo cáo riêng sau khi áp dụng phương pháp kế toán “ghi nhận tài sản và nợ phải trả theo giá mua” (nếu được phép) hoặc có thể sử dụng giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả được xác định theo chuẩn mực kế toán tài chính của công ty mẹ tối cao.

Trong trường hợp này, đơn vị hợp thành bị hợp nhất phải tính toán các khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh liên quan đến việc hợp nhất khi xác định thu nhập hoặc lỗ ròng theo Báo cáo tài chính và thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh.

Đơn vị hợp thành có thể không áp dụng phương pháp kế toán “ghi nhận tài sản và nợ phải trả theo giá mua” để điều chỉnh giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả liên quan đến việc mua lại, nếu ngày mua lại là vào hoặc sau ngày 1 tháng 12 năm 2021.

1.3. Nếu không thể xác định được một cách hợp lý thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành dựa trên chuẩn mực kế toán được sử dụng trong khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao, thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành trong năm tài chính có thể được xác định bằng cách sử dụng một chuẩn mực Báo cáo tài chính được chấp nhận hoặc chuẩn mực Báo cáo tài chính được phép áp dụng. Trường hợp sử dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính được phép áp dụng thì phải điều chỉnh các khác biệt trọng yếu. Việc áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính được chấp nhận hoặc chuẩn mực Báo cáo tài chính được phép áp dụng tại khoản này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Sổ kế toán của đơn vị hợp thành được lập theo chuẩn mực kế toán nêu trên;

b) Thông tin ghi nhận trong sổ kế toán đáng tin cậy;

c) Tổng các khoản chênh lệch vĩnh viễn vượt quá 1 triệu EUR phát sinh từ việc áp dụng một nguyên tắc hoặc chuẩn mực cụ thể đối với các khoản thu nhập hoặc chi phí hoặc giao dịch khác với chuẩn mực kế toán được sử dụng khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao thì phải được điều chỉnh phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán sử dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao.

1.4. Phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú, Phân bổ thu nhập hoặc lỗ của đơn vị trung chuyển, Điều chỉnh để xác định thu nhập hoặc lỗ theo quy định Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và Thu nhập vận tải quốc tế được loại trừ theo quy định tại khoản 2 đến khoản 5 Mục này.

1.5. Thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Mục này được xác định bằng đồng tiền sử dụng lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao. Tập đoàn đa quốc gia áp dụng các chuẩn mực về ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái của chuẩn mực kế toán của công ty mẹ tối cao để thực hiện các quy đổi sang đồng tiền sử dụng lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao.

**2. Phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú**

2.1. Thu nhập hoặc lỗ ròng theo Báo cáo tài chính của một đơn vị hợp thành là cơ sở thường trú theo quy định tại khoản 3.1, khoản 3.2 và khoản 3.3 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này là thu nhập hoặc lỗ ròng được ghi nhận tại các Báo cáo tài chính riêng của cơ sở thường trú. Nếu cơ sở thường trú không phải lập báo cáo kế toán riêng theo quy định thì thu nhập hoặc lỗ ròng kế toán được xác định trên cơ sở coi cơ sở thường trú như một đơn vị độc lập theo chuẩn mực kế toán được sử dụng khi lập báo cáo hợp nhất của công ty mẹ tối cao.

2.2. Việc điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ ròng theo Báo cáo tài chính đối với một cơ sở thường trú được thực hiện như sau:

2.2.1. Đối với cơ sở thường trú được quy định tại khoản 3.1 và khoản 3.2 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này thì ghi nhận các giá trị và khoản mục của thu nhập và chi phí được phân bổ cho cơ sở thường trú theo hiệp định thuế được áp dụng hoặc nội luật của nước nơi cơ sở thường trú đó cư trú, không phụ thuộc thu nhập chịu thuế đã ghi nhận và chi phí thực tế được khấu trừ tại nước đó;

2.2.2. Đối với cơ sở thường trú theo quy định tại khoản 3.3 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này thì ghi nhận giá trị và khoản mục của thu nhập và chi phí được phân bổ cho cơ sở thường trú theo Điều 7 của mẫu Hiệp định thuế OECD.

2.3. Trường hợp một đơn vị hợp thành là cơ sở thường trú theo quy định tại điểm 3.4 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, thu nhập để tính thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của đơn vị đó là thu nhập được phân bổ cho các hoạt động được tiến hành bên ngoài nước công ty chính cư trú và được miễn thuế tại nước nơi công ty chính cư trú. Các chi phí để tính thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính là các chi phí được phân bổ cho các hoạt động được tiến hành bên ngoài nước công ty chính cư trú và không được trừ khi tính thuế tại nước nơi công ty chính cư trú.

2.4. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của cơ sở thường trú không được tính vào thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của công ty chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 2.5 Mục này.

2.5. Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của một cơ sở thường trú sẽ được xác định là chi phí của công ty chính (không phải của cơ sở thường trú) để tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của công ty chính khi khoản lỗ của cơ sở thường trú đáp ứng các điều kiện:

2.5.1. Được xác định là chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo pháp luật về thuế tại nước của công ty chính;

2.5.2. Không được bù trừ vào một khoản thu nhập chịu thuế theo luật pháp tại cả nước của công ty chính và nước của cơ sở thường trú.

Các khoản thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phát sinh sau đó tại cơ sở thường trú sẽ được xác định là thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của công ty chính (không phải của cơ sở thường trú) tương ứng với số lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của cơ sở thường trú mà đã được xác định là chi phí để tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của công ty chính theo quy định tại khoản này. Trường hợp thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phát sinh trong một năm tài chính của cơ sở thường trú không đủ để bù đắp với số lỗ đã được tính vào chi phí của công ty chính thì tiếp tục được bù trừ cho các năm tiếp theo cho đến khi số lỗ đã được tính vào chi phí của công ty chính được bù đắp đủ.

**3. Phân bổ thu nhập hoặc lỗ của đơn vị trung chuyển**

3.1.Thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của đơn vị trung chuyển sẽ được giảm trừ khoản phân bổ cho các chủ sở hữu của đơn vị trung chuyển, mà các chủ sở hữu này không phải là các công ty trong tập đoàn và nắm giữ trực tiếp quyền sở hữu trong đơn vị trung chuyển hoặc thông qua một hệ thống các đơn vị không chịu thuế thu nhập.

3.2. Khoản 3.1 Mục này không áp dụng cho một công ty mẹ tối cao là một đơn vị trung chuyển hoặc bất kỳ đơn vị trung chuyển nào thuộc sở hữu của công ty mẹ tối cao nêu trên (trực tiếp hoặc thông qua một hệ thống các đơn vị không chịu thuế thu nhập). Các tổ chức này áp dụng quy định tại khoản 17 Mục này.

3.3. Sau khi áp dụng quy định tại khoản 3.1 Mục này, thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của một đơn vị hợp thành là một đơn vị trung chuyển được phân bổ như sau:

3.3.1. Trường hợp đơn vị trung chuyển thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh thông qua một cơ sở thường trú thì thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của đơn vị trung chuyển đó được phân bổ cho cơ sở thường trú đó theo quy định tại khoản 2 Mục này;

3.3.2. Trường hợp đơn vị trung chuyển là đơn vị không chịu thuế thu nhập và không phải là công ty mẹ tối cao thì bất kỳ thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính còn lại của công ty sau khi áp dụng quy định tại khoản 3.3.1 Mục này sẽ được phân bổ cho chủ sở hữu đơn vị hợp thành theo quyền sở hữu theo quyền sở hữu tương ứng của từng chủ sở hữu đơn vị hợp thành.

Trong đó chủ sở hữu đơn vị hợp thành là một đơn vị hợp thành trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền sở hữu một đơn vị hợp thành khác trong cùng một tập đoàn đa quốc gia.

3.3.3 Trường hợp đơn vị trung chuyển là đơn vị không chịu thuế thu nhập và là công ty mẹ tối cao hoặc là đơn vị lưỡng tính nghịch thì bất kỳ thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính còn lại của công ty sau khi áp dụng quy định tại khoản 3.3.1 Mục này được phân bổ cho công ty đó.

3.4. Các quy định tại khoản 3.3 Mục này sẽ được áp dụng riêng theo quyền sở hữu của từng bên sở hữu trong đơn vị trung chuyển.

3.5. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của đơn vị trung chuyển được trừ phần đã phân bổ theo quy định tại khoản 3 Mục này.

**4. Điều chỉnh để xác định thu nhập hoặc lỗ theo quy định Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu**

4.1. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành sẽ được điều chỉnh để xác định thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Các khoản điều chỉnh bao gồm:

4.1.1. Chi phí thuế ròng;

Chi phí thuế ròng là một khoản điều chỉnh cộng vào thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và là kết quả bù trừ các khoản sau đây:

4.1.1.1. Các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được trích trước là chi phí và các khoản thuế hiện hành và thuế hoãn lại thuộc phạm vi áp dụng được tính là chi phí thuế thu nhập, bao gồm thuế thuộc phạm vi áp dụng đối với thu nhập được loại trừ khi tính toán thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

4.1.1.2. Khoản thuế tương ứng với tài sản thuế hoãn lại do lỗ của năm tài chính;

4.1.1.3. Các khoản thuế phát sinh theo các Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được trích trước là một khoản chi phí;

4.1.1.4. Các khoản thuế do công ty bảo hiểm thu đối với tiền lãi trả cho chủ sở hữu hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại khoản 4.7 Mục này

4.1.2. Cổ tức được loại trừ;

Trong đó:

4.1.2.1. Cổ tức được loại trừ là cổ tức hoặc các khoản phân chia thu nhập khác nhận được hoặc trích trước liên quan đến quyền sở hữu, không bao gồm quyền sở hữu đầu tư gián tiếp ngắn hạn và quyền sở hữu đối với một đơn vị đầu tư được lựa chọn theo quy định tại điểm 10 Mục III Phụ lục này.

4.1.2.2. Quyền sở hữu đầu tư gián tiếp là quyền sở hữu của tập đoàn đa quốc gia trong một đơn vị, theo đó tập đoàn có quyền đối với dưới 10% lợi nhuận, vốn, các khoản khác thuộc vốn chủ sở hữu của đơn vị đó hoặc tập đoàn có dưới 10% quyền biểu quyết đối với đơn vị đó tại ngày phân phối thu nhập hoặc chuyển nhượng.

4.1.2.3. Quyền sở hữu đầu tư gián tiếp ngắn hạn là quyền sở hữu đầu tư gián tiếp do đơn vị hợp thành nắm giữ dưới một năm tính đến ngày phân phối, theo đó đơn vị này nhận được hoặc trích trước cổ tức hoặc các khoản phân chia lợi ích khác.

4.1.2.4. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai thực hiện lựa chọn 5 năm cho từng đơn vị hợp thành để tính tất cả các khoản cổ tức liên quan đến quyền sở hữu đầu tư gián tiếp khi xác định thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, không phụ thuộc vào việc các quyền sở hữu đầu tư gián tiếp là ngắn hạn. Tất cả cổ tức liên quan đến quyền sở hữu đầu tư gián tiếp của các đơn vị hợp thành đã lựa chọn được tính vào thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

4.1.3. Lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ;

Lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ là khoản thu nhập hoặc lỗ được tính vào thu nhập hoặc lỗ ròng theo kế toán tài chính của đơn vị hợp thành phát sinh từ:

4.1.3.1. Đánh giá lại theo giá trị hợp lý của quyền sở hữu, trừ quyền sở hữu đầu tư gián tiếp;

4.1.3.2. Lãi hoặc lỗ đối với quyền sở hữu được hạch toán theo phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu;

4.1.3.3. Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng quyền sở hữu, trừ chuyển nhượng quyền sở hữu đầu tư gián tiếp.

4.1.4. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại;

4.1.4.1. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại là lãi hoặc lỗ ròng phát sinh được cộng hoặc trừ các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng liên quan khi đánh giá lại bất động sản, nhà xưởng và thiết bị theo phương pháp hoặc thông lệ kế toán, mà:

4.1.4.1.1. Định kỳ điều chỉnh giá trị còn lại của tài sản đó theo giá trị hợp lý;

4.1.4.1.2. Ghi nhận những thay đổi về giá trị trong phần thu nhập toàn diện khác;

4.1.4.1.3. Không báo cáo các khoản lãi hoặc lỗ được ghi nhận trong phần thu nhập toàn diện khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.1.4.2. Thu nhập toàn diện khác là các khoản thu nhập và chi phí không được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo yêu cầu hoặc cho phép theo chuẩn mực Báo cáo tài chính được phép áp dụng sử dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Thu nhập toàn diện khác thường được báo cáo như một khoản điều chỉnh đối với phần vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán.

4.1.5. Lãi hoặc lỗ về chênh lệch tỷ giá do sử dụng đồng tiền kế toán và đồng tiền tính thuế khác nhau;

*Trong đó:*

*4.1.5.1. Lãi hoặc lỗ về chênh lệch tỷ giá do sử dụng đồng tiền kế toán và đồng tiền tính thuế khác nhau là lãi, lỗ từ hạch toán ngoại tệ của một tổ chức sử dụng đồng tiền kế toán và đồng tiền tính thuế khác nhau, mà các khoản lãi hoặc lỗ này gồm:*

*4.1.5.1.1. Phát sinh khi tính thu nhập chịu thuế hoặc lỗ của đơn vị hợp thành do chênh lệch tỷ giá hối đoái giữa đồng tiền kế toán và đồng tiền tính thuế của đơn vị đó;*

 *4.1.5.1.2. Phát sinh khi tính thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành do chênh lệch tỷ giá hối đoái giữa đồng tiền tính thuế và đồng tiền kế toán của đơn vị đó;*

*4.1.5.1.3. Phát sinh khi tính thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành do chênh lệch tỷ giá hối đoái giữa đồng ngoại tệ thứ ba và đồng tiền kế toán của đơn vị đó;*

*4.1.5.1.4. Phát sinh do chênh lệch tỷ giá hối đoái giữa đồng ngoại tệ thứ ba và đồng tiền tính thuế, cho dù lãi hoặc lỗ ngoại tệ đó có được tính vào thu nhập chịu thuế hay không.*

4.1.5.2. Đồng tiền tính thuế là đồng tiền được sử dụng để xác định thu nhập chịu thuế hoặc lỗ của đơn vị hợp thành để xác định một khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại nước nơi công ty đó đặt trụ sở. Đồng tiền kế toán là đồng tiền được sử dụng để xác định thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành. Đồng ngoại tệ thứ ba là một loại đồng tiền không phải là đồng tiền tính thuế hay đồng tiền kế toán của đơn vị hợp thành.

 4.1.5.3. Kết quả các khoản điều chỉnh liên quan đến Lãi hoặc lỗ về chênh lệch tỷ giá do sử dụng đồng tiền kế toán và đồng tiền tính thuế khác nhau được quy đổi sang đồng tiền sử dụng trên Báo cáo tài chính hợp nhất để xác định Thu nhập hoặc Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

4.1.6. Các khoản chi phí không được trừ theo quy định, bao gồm:

4.1.6.1. Các chi phí do đơn vị hợp thành hạch toán cho các khoản thanh toán không hợp pháp;

4.1.6.2. Khoản tiền phạt vi phạm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt bằng hoặc trên 50.000 EUR (hoặc giá trị tương đương tính theo đồng tiền kế toán sử dụng tại Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành).

4.1.7. Sai sót của các kỳ trước và những thay đổi về nguyên tắc kế toán;

Sai sót của các kỳ trước và những thay đổi về nguyên tắc kế toán là tất cả các thay đổi số dư đầu kỳ vốn chủ sở hữu vào đầu năm tài chính của một đơn vị hợp thành từ:

4.1.7.1. Việc điều chỉnh sai sót khi xác định thu nhập kế toán trong năm tài chính trước đó đã ảnh hưởng đến thu nhập hoặc lỗ theo các Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính đó; trường hợp việc điều chỉnh dẫn đến các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của năm tài chính trước giảm từ 1 triệu EUR trở lên thì thực hiện theo quy định tại khoản 4.7 Mục này;

4.1.7.2. Thay đổi về phương pháp (chính sách), nguyên tắc kế toán ảnh hưởng đến thu nhập hoặc chi phí được tính vào thu nhập hoặc lỗ theo các Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

4.1.8. Chi phí hưu trí trích trước của chương trình hưu trí do các quỹ hưu trí cung cấp.

4.1.8.1. Trường hợp đơn vị có thu nhập hoặc chi phí hưu trí trích trước thì khoản điều chỉnh để xác định thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu sẽ được xác định bằng tổng thu nhập hoặc chi phí hưu trí trích trước và khoản đóng góp vào quỹ hưu trí (nếu có) trong năm tài chính. Khoản điều chỉnh được xác định theo công thức sau:

Khoản điều chỉnh = (Thu nhập hoặc chi phí hưu trí trích trước trong năm tài chính + khoản đóng góp vào quỹ hưu trí) x (-1)

Trong đó: Thu nhập hưu trí trích trước được ghi là số dương, chi phí hưu trí trích trước được ghi là số âm, khoản đóng góp vào quỹ hưu trí được ghi là số dương.

Khoản điều chỉnh này cũng sẽ được áp dụng khi Quỹ hưu trí có thặng dư hoặc thâm hụt hoặc có khoản nợ phải trả.

4.1.8.2. Trường hợp phần thặng dư của Quỹ hưu trí được phân phối cho đơn vị hợp thành thì phần thặng dư này được tính vào thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính.

4.1.8.3. Chi phí lương được trích trước để trả trực tiếp cho người làm công đã nghỉ việc không thuộc phạm vi áp dụng của điểm này.

4.2. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được quyền lựa chọn loại trừ thu nhập liên quan đến khoản xóa nợ khi xác định thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong các trường hợp sau:

4.2.1. Khoản nợ được xoá phát sinh trong thời gian thực hiện thủ tục phá sản hoặc bị giám sát đặc biệt do mất khả năng thanh toán. Trong trường hợp này khi khoản nợ của bên độc lập và bên liên kết trong cùng một thoả thuận xoá nợ thì đều được loại trừ khi xác định thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

4.2.2. Khoản nợ được xoá theo thoả thuận khi có cơ sở hợp lý của chuyên gia độc lập xác định bên nợ sẽ mất khả năng thanh toán trong 12 tháng tới đối với các khoản nợ của bên độc lập. Trong trường hợp này khi khoản nợ của bên độc lập và bên liên kết trong cùng một thoả thuận xoá nợ thì đều được loại trừ khi xác định thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

4.2.3. Trường hợp khoản nợ được xoá không thuộc khoản 4.2.1 và khoản 4.2.2 Mục này, khoản nợ được xoá bởi bên độc lập khi tổng phải trả vượt quá giá trị hợp lý của tài sản của đơn vị hợp thành ngay trước thời điểm xoá nợ, thì khoản nợ được xoá đó sẽ được loại trừ khi xác định thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, với điều kiện khoản loại trừ không vượt quá giá trị nhở hơn trong hai giá trị sau:

4.2.3.1. Chênh lệch giữa tổng nợ phải trả và giá trị hợp lý của tài sản

4.2.3.2. Lợi ích thuế, ví dụ số lỗ do hoạt động còn được mang sang kỳ sau, theo luật thuế của nước của bên nợ.

4.3. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được quyền lựa chọn thay thế các khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu được ghi nhận theo sổ kế toán bằng khoản chi phí được trừ theo quy định tính thuế thu nhập tại nước đó. Trong đó:

4.3.1. Nếu khoản chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu phát sinh liên quan đến một quyền chọn đã hết hạn mà không thực hiện quyền, đơn vị hợp thành phải điều chỉnh để cộng lại tổng chi phí đã giảm trừ trước đó vào thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính mà quyền chọn đã hết hạn.

4.3.2. Lựa chọn theo 4.3 Mục này áp dụng theo quy định về lựa chọn 5 năm và phải được áp dụng nhất quán cho các khoản chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu của tất cả các đơn vị hợp thành tại cùng một nước trong năm lựa chọn và trong tất cả các năm tài chính tiếp theo.

4.3.3. Nếu việc lựa chọn được thực hiện trong năm tài chính sau khi một khoản chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu của một giao dịch đã được ghi nhận trong sổ kế toán trước ngày thực hiện quyền, đơn vị hợp thành phải tính vào thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của năm tài chính lựa chọn khoản chênh lệch dương giữa số lũy kế của chi phí được trừ khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các năm tài chính trước đó và số lũy kế có thể được đưa vào chi phí nếu việc lựa chọn đã được thực hiện trong các năm tài chính đó.

4.3.4. Nếu việc lựa chọn bị chấm dứt, đơn vị hợp thành phải cộng vào thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu số tiền đã trừ theo lựa chọn mà vượt quá chi phí trích trước theo kế toán đối với khoản chi trả cho người làm công bằng cổ phiếu chưa được thanh toán.

4.4. Điều chỉnh theo nguyên tắc giá thị trường:

4.4.1. Bất kỳ giao dịch nào giữa các đơn vị hợp thành tại các nước khác nhau mà giá trị ghi nhận theo sổ kế toán của cả hai đơn vị hợp thành không giống nhau hoặc không phù hợp với nguyên tắc giá thị trường, thì giá trị đó phải được điều chỉnh giống nhau và phù hợp với nguyên tắc giá thị trường. Đơn vị hợp thành không được áp dụng điều chỉnh theo quy định tại điểm này nếu việc thực hiện điều chỉnh dẫn đến việc đánh thuế hai lần hoặc không cùng không đánh thuế theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

Nguyên tắc giá thị trường là nguyên tắc mà các giao dịch giữa các đơn vị hợp thành phải được ghi nhận trên cơ sở các điều kiện tương tự giữa các doanh nghiệp độc lập trong các giao dịch tương đồng và trong các hoàn cảnh tương đồng.

4.4.2. Lỗ từ việc bán hoặc chuyển nhượng tài sản dưới hình thức khác giữa hai đơn vị hợp thành tại cùng một nước mà ghi nhận không phù hợp với nguyên tắc giá thị trường sẽ được tính lại dựa trên nguyên tắc giá thị trường nếu số lỗ đó được tính vào thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Các quy định phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa công ty chính và cơ sở thường trú của công ty đó được quy định tại khoản 2 Mục này.

4.5. Đối với các tài sản và nợ phải trả đang được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm trong Báo cáo tài chính hợp nhất, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể lựa chọn nguyên tắc thực tế phát sinh để xác định thu nhập hoặc lỗ khi tính thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Lựa chọn theo khoản 4.5 Mục này áp dụng theo quy định về lựa chọn 5 năm và áp dụng cho tất cả các đơn vị hợp thành tại nước lựa chọn. Việc lựa chọn áp dụng cho tất cả các tài sản và nợ phải trả của các đơn vị hợp thành đó, trừ trường hợp đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai lựa chọn chỉ áp dụng đối với tài sản hữu hình của các đơn vị hợp thành đó. Khi thực hiện lựa chọn này:

4.5.1. Tất cả các khoản lãi hoặc lỗ hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm liên quan đến một tài sản hoặc khoản nợ phải trả sẽ được loại trừ khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

4.5.2. Giá trị còn lại ghi sổ của một tài sản hoặc nợ phải trả nhằm mục đích xác định lãi hoặc lỗ sẽ là giá trị còn lại tại thời điểm nào đến sau trong hai thời điểm sau đây: Ngày đầu tiên của năm lựa chọn, hoặc ngày tài sản được mua hoặc nợ phát sinh;

4.5.3. Trường hợp chấm dứt lựa chọn theo quy định tại khoản 4.5 Mục này, thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành được điều chỉnh theo chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản hoặc nợ phải trả tại thời điểm bắt đầu năm chấm dứt lựa chọn và giá trị còn lại của tài sản hoặc nợ phải trả đã được xác định theo lựa chọn tại khoản 4.5 Mục này.

4.6. Điều chỉnh đối với thỏa thuận tài chính trong nội bộ tập đoàn

Khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị chịu thuế suất thấp phải loại trừ chi phí phát sinh từ thỏa thuận tài chính nội bộ tập đoàn mà có cơ sở xác định một cách hợp lý là thỏa thuận đó nhằm làm tăng chi phí để tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị chịu thuế suất thấp nhưng không làm tăng thu nhập chịu thuế tương ứng của đơn vị tại nước có thuế suất cao trong khoảng thời gian dự kiến của thỏa thuận.

Trong đó:

4.6.1. Đơn vị chịu thuế suất thấp là đơn vị hợp thành tại nước đánh thuế thấp hoặc tại một nước được xác định là nước đánh thuế thấp nếu thuế suất thực tế tại nước đó được xác định không tính đến bất kỳ thu nhập hoặc chi phí nào phát sinh tại đơn vị đó liên quan đến thỏa thuận tài chính nội bộ của tập đoàn.

4.6.2. Đơn vị tại nước có thuế suất cao là đơn vị hợp thành đặt tại nước không phải là nước đánh thuế thấp hoặc tại nước được xác định không phải là nước đánh thuế thấp nếu thuế suất thực tế được xác định không tính đến bất kỳ thu nhập hoặc chi phí nào phát sinh tại đơn vị đó liên quan đến thỏa thuận tài chính nội bộ của tập đoàn.

4.6.3. Thỏa thuận tài chính nội bộ tập đoàn là bất kỳ thỏa thuận nào được ký kết giữa hai hoặc nhiều thành viên của tập đoàn đa quốc gia mà đơn vị đặt tại nước có thuế suất cao trực tiếp hoặc gián tiếp cấp tín dụng hoặc đầu tư vào một đơn vị đặt tại nước có thuế suất thấp.

4.7. Khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, công ty bảo hiểm phải loại trừ khoản thu nhập hoặc lỗ tương ứng phần thuế nộp thay chủ hợp đồng bảo hiểm liên quan đến thu nhập của chủ hợp đồng bảo hiểm. Khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, công ty bảo hiểm phải cộng khoản thu nhập đầu tư của các chủ hợp đồng bảo hiểm mà không được ghi nhận trong thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính tương ứng với phần tăng hoặc giảm nghĩa vụ của chủ hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận trong thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính.

4.8. Số tiền được ghi nhận giảm vốn chủ sở hữu của một đơn vị hợp thành liên quan đến khoản phân phối mà đơn vị hợp thành đã trả hoặc phải thanh toán đối với phần vốn cấp một bổ sung và phần vốn cấp một bị hạn chế do đơn vị hợp thành phát hành sẽ được coi là chi phí khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Số tiền được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu của một đơn vị hợp thành do đơn vị hợp thành nhận được hoặc sẽ nhận được đối với phần vốn cấp một bổ sung do đơn vị hợp thành nắm giữ sẽ được cộng vào thu nhập khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

Trong đó:

4.8.1. Vốn cấp một bổ sung là một công cụ tài chính do một đơn vị hợp thành phát hành theo các quy tắc thận trọng áp dụng trong lĩnh vực ngân hàng, có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu hoặc ghi giảm giá trị nếu một sự kiện được xác định trước diễn ra và công cụ tài chính này có các đặc điểm là để hỗ trợ bù trừ cho các khoản lỗ trong trường hợp xảy ra khủng hoảng tài chính.

4.8.2. Vốn cấp một bị hạn chế là một công cụ tài chính do một đơn vị hợp thành phát hành theo các quy tắc thận trọng áp dụng trong lĩnh vực bảo hiểm, có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu hoặc ghi giảm giá trị nếu một sự kiện được xác định trước diễn ra và công cụ tài chính này có các đặc điểm là để hỗ trợ bù trừ cho các khoản lỗ trong trường hợp xảy ra rủi ro thanh khoản.

4.9. Ngoài việc điều chỉnh theo các khoản trên, thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành được tiếp tục điều chỉnh theo quy định từ khoản 13 đến khoản 17 này.

**5. Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế**

5.1. Tập đoàn đa quốc gia có thu nhập vận tải quốc tế thì thu nhập vận tải quốc tế và thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn của mỗi đơn vị hợp thành sẽ được loại trừ khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu quy định tại khoản 4 Mục này tại nước nơi đơn vị hợp thành cư trú. Trường hợp kết quả tính thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn của đơn vị hợp thành bị lỗ, thì số lỗ sẽ được loại trừ khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành đó.

5.2. Thu nhập vận tải quốc tế là thu nhập ròng mà một đơn vị hợp thành thu được từ các hoạt động sau:

5.2.1. Việc vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa bằng tàu mà đơn vị hợp thành hoạt động trong vận tải quốc tế, cho dù tàu thuộc sở hữu, thuê hay theo cách khác do đơn vị hợp thành định đoạt;

5.2.2. Việc vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng tàu thuyền hoạt động trong vận tải quốc tế theo thỏa thuận thuê chỗ;

5.2.3. Cho thuê tàu được sử dụng để vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa trong vận tải quốc tế mà tàu cho thuê được trang bị đầy đủ vật tư, thủy thủ và thiết bị;

5.2.4. Cho một đơn vị hợp thành khác thuê tàu theo hình thức thuê tàu trần để vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa trong vận tải quốc tế;

5.2.5. Tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một tổ chức điều hành quốc tế để vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa bằng tàu trong vận tải quốc tế;

5.2.6. Bán tàu đã được sử dụng để vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa trong vận tải quốc tế với điều kiện là tàu đã được đơn vị hợp thành sử dụng tối thiểu một năm.

Thu nhập vận tải quốc tế không bao gồm thu nhập ròng thu được từ việc vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa bằng tàu thủy qua đường thủy nội địa trong cùng một nước.

5.3. Thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn là thu nhập ròng mà một đơn vị hợp thành thu được từ các hoạt động được thực hiện chủ yếu liên quan đến việc vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa bằng tàu thuyền trong vận tải quốc tế, bao gồm:

5.3.1. Cho thuê tàu theo hình thức thuê tàu trần cho một doanh nghiệp vận tải biển khác không phải là đơn vị hợp thành với điều kiện hợp đồng thuê không quá ba năm;

5.3.2. Bán vé do các doanh nghiệp vận tải biển khác phát hành cho chặng nội địa của một chuyến vận tải quốc tế;

5.3.3. Cho thuê, lưu container ngắn hạn hoặc phí tạm giữ đối với việc trả lại container quá hạn;

5.3.4. Cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp vận tải khác bởi các kỹ sư, nhân viên bảo trì, người xử lý hàng hóa, nhân viên phục vụ và nhân viên dịch vụ khách hàng;

5.3.5. Thu nhập đầu tư trong đó khoản đầu tư tạo ra thu nhập được thực hiện như một phần không thể thiếu trong việc thực hiện kinh doanh vận hành tàu biển trong vận tải quốc tế.

5.4. Tổng thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn của tất cả các đơn vị hợp thành tại một nước không được vượt quá 50% thu nhập vận tải quốc tế của các đơn vị hợp thành đó. Trường hợp thực tế thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn của tất cả các đơn vị hợp thành tại một nước vượt quá 50% thu nhập vận tải quốc tế của các đơn vị hợp thành đó thì phần thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn vượt quá 50% nêu trên sẽ không được loại trừ.

5.5. Các chi phí phát sinh bởi một đơn vị hợp thành có liên quan trực tiếp đến các hoạt động vận tải quốc tế được quy định tại khoản 5.2 Mục này và các chi phí liên quan trực tiếp đến các hoạt động phụ trợ đạt chuẩn được quy định tại khoản 5.3 Mục II Phụ lục này sẽ được trừ vào doanh thu từ các hoạt động đó của đơn vị hợp thành để tính thu nhập vận tải quốc tế và thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn. Các chi phí khác phát sinh bởi một đơn vị hợp thành có liên quan gián tiếp đến các hoạt động vận tải quốc tế của đơn vị hợp thành và các hoạt động phụ trợ đạt chuẩn sẽ được phân bổ trên cơ sở doanh thu của đơn vị hợp thành từ các hoạt động đó chia cho tổng doanh thu của đơn vị đó. Tất cả các chi phí trực tiếp và gián tiếp được phân bổ cho thu nhập vận tải quốc tế của đơn vị hợp thành và thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn sẽ được loại trừ khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đó.

5.6. Thu nhập vận tải quốc tế và thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn của đơn vị hợp thành được xác định là đủ điều kiện loại trừ khỏi thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định tại khoản 5 Mục này khi đơn vị hợp thành chứng minh được bằng việc quản lý chiến lược hoặc thương mại của tất cả các tàu liên quan thực tế được thực hiện tại nước nơi đơn vị hợp thành cư trú.

**6. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu**

6.1. Tập đoàn đa quốc gia có thể lựa chọn chỉ sử dụng một phần trong toàn bộ khoản giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai của một tập đoàn đa quốc gia có thể lựa chọn theo quy định về Lựa chọn hằng năm để không áp dụng việc giảm trừ này tại Việt Nam khi tính thuế bổ sung bằng cách lựa chọn không áp dụng quy định này hoặc không tính trừ các khoản giảm trừ trên Tờ khai Thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được nộp trong năm tài chính đó.

6.2. Khoản giảm trừ về tiền lương của một đơn vị hợp thành tại Việt Nam được xác định theo tỷ lệ của chi phí tiền lương hợp lệ trả cho tổng số người làm công hợp lệ thực hiện các hoạt động của tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam, trong đó:

*6.2.1. Chi phí tiền lương hợp lệ**là các khoản chi trả cho người làm công như tiền lương (bao gồm tiền lương, tiền công và chi khác dưới hình thức các khoản phúc lợi trực tiếp và riêng biệt cho cá nhân người làm công, như bảo hiểm y tế và các khoản đóng góp lương hưu, chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu)), các khoản thuế trên thu nhập từ việc làm do người sử dụng lao động phải chịu và các khoản đóng góp an sinh xã hội của người sử dụng lao động.*

Trường hợp đơn vị hợp thành tại Việt Nam sử dụng người làm công và người làm công thực hiện hơn 50% thời gian công việc của mình cho tập đoàn đa quốc gia trong kỳ liên quan tại Việt Nam, thì đơn vị hợp thành có quyền tính giảm trừ trên toàn bộ phần tiền lương của người làm công đó. Trường hợp đơn vị hợp thành tại Việt Nam sử dụng người làm công và người làm công thực hiện từ 50% trở xuống thời gian công việc của mình cho tập đoàn đa quốc gia trong kỳ liên quan tại Việt Nam thì đơn vị hợp thành sẽ chỉ có quyền tính giảm trừ trên tỷ lệ phần trăm tiền lương của người làm công đó tương ứng với thời gian làm việc của người làm công tại nước của đơn vị hợp thành này.

Chi phí tiền lương hợp lệ không bao gồm những khoản chi phí tiền lương sau đây:

- Được vốn hóa và đưa vào giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ;

- Được phân bổ tương ứng với thu nhập vận tải quốc tế và thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn của đơn vị hợp thành theo quy định tại điểm 4.5 Mục II Phụ lục II Nghị định này mà đã được loại trừ khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính.

*6.2.2. Người làm công hợp lệ**là người làm công bao gồm cả người làm công bán thời gian, của một đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia và của các cá nhân theo hợp đồng độc lập tham gia vào các hoạt động kinh doanh của tập đoàn đa quốc gia dưới sự điều hành và kiểm soát của tập đoàn đa quốc gi*a. *Cá nhân theo hợp đồng độc lập bao gồm cá nhân, cá nhân được thuê hoặc cung cấp thông qua các công ty cung ứng dịch vụ nhân sự, việc làm mà hoạt động hàng ngày của các các nhân này được đặt dưới sự điều hành và kiểm soát bởi Tập đoàn đa quốc gia. Cá nhân theo hợp đồng độc lập không bao gồm người làm công của các nhà thầu là doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho đơn vị hợp thành.*

6.2.3 Khoản giảm trừ về tiền lương của một đơn vị hợp thành tại Việt Nam được tính theo tỷ lệ là 5% của chi phí tiền lương hợp lệ trả cho tổng số người làm công hợp lệ thực hiện các hoạt động của tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam. Trong giai đoạn chuyển tiếp từ năm 2024, tỷ lệ giảm trừ cho từng năm được thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 107/2023/QH15.

6.3. Khoản giảm trừ về tài sản hữu hình của một đơn vị hợp thành tại Việt Nam được xác định theo tỷ lệ của giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ tại Việt Nam và giá trị ghi sổ còn lại được xác định tại khoản 6.3.2, khoản 6.3.3, khoản 6.3.4 Mục này, trong đó:

6.3.1. Tài sản hữu hình hợp lệ bao gồm:

6.3.1.1. Tài sản, nhà xưởng và thiết bị đặt tại Việt Nam,bao gồm cả chi phí xây dựng cơ bản dở dang;

6.3.1.2. Các loại tài nguyên thiên nhiên tại Việt Nam;

6.3.1.3. Quyền sử dụng tài sản cố định hữu hình của bên đi thuê tại Việt Nam được hạch toán trên sổ kể toán tại bên đi thuê phù hợp theo chuẩn mực kế toán sử dụng khi chuẩn bị báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao;

 Trường hợp tài sản hữu hình thuê hoạt động, bên cho thuê tại Việt Nam được phép tính một phần giá trị còn lại ghi sổ của tài sản cho thuê để xác định tài sản hữu hình hợp lệ nếu tài sản đó nằm tại Việt Nam. Giá trị này được xác định bằng phần chênh lệch dương, nếu có, giữa giá trị ghi sổ trung bình của tài sản tại thời điểm đầu và cuối Năm tài chính trên sổ của bên cho thuê với giá trị ghi sổ trung bình quyền sử dụng tài sản hữu hình tại thời điểm đầu và cuối Năm tài chính trên sổ của bên đi thuê.

Trường hợp thuê hoạt động giữa hai đơn vị hợp thành trong cùng tập đoàn tại Việt Nam, sau khi loại trừ giao dịch cho thuê tài sản nội bộ, chỉ bên cho thuê được tính giá trị còn lại ghi sổ của tài sản cho thuê vào giá trị tài sản hữu hình hợp lệ.

Trường hợp tài sản cho thuê hoạt động là các tài sản dùng chung như cho thuê một phần nhà xưởng, văn phòng, bãi để xe thì bên cho thuê phải phân bổ giá trị ghi sổ còn lại của tài sản cho thuê theo một tiêu thức phân bổ hợp lý và tính vào tài sản hữu hình hợp lệ đối với phần phân bổ mà bên cho thuê sử dụng cho hoạt động của mình. Đối với phần phân bổ mà bên đi thuê sử dụng, bên cho thuê có thể áp dụng hướng dẫn về cách xử lý tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được quy định tại điểm này để xác định giá trị tài sản hữu hình hợp lệ.

6.3.1.4. Giấy phép hoặc thỏa thuận tương tự với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được sử dụng bất động sản hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên mà cần phải đầu tư đáng kể vào các tài sản hữu hình đó.

Giấy phép được cấp hoặc thỏa thuận tương tự với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm hợp đồng thuê hoặc thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án về việc Nhà nước nhượng quyền cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được sử dụng bất động sản, ví dụ các thỏa thuận mà nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được nhượng quyền để xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng như đường, cầu, bệnh viện, sân bay, nhà máy điện, cơ sở phân phối nước, mạng viễn thông, hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên, với điều kiện việc sử dụng tài sản đòi hỏi phải có đầu tư đáng kể vào tài sản hữu hình đó, sẽ được coi là tài sản hữu hình hợp lệ bất kể được ghi nhận hay xem là tài sản vô hình hay tài sản tài chính trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp hoặc theo chuẩn mực kế toán tài chính dùng để chuẩn bị Báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, nếu đơn vị hợp thành ghi nhận quyền thu lộ phí hoặc lệ phí liên quan đến việc vận hành tài sản theo giấy phép hoặc quyền tương tự là một tài sản tách biệt với quyền sử dụng bất động sản, ví dụ đối với một hợp đồng dịch vụ riêng biệt, thì tài sản đó không được xem là tài sản hữu hình hợp lệ.

6.3.2. Xác định giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ

Việc tính giá trị ghi sổ còn lại của tài sản hữu hình hợp lệ theo quy định tại khoản này được căn cứ vào giá trị ghi sổ còn lại bình quân của tài sản hữu hình (sau khi trừ khấu hao hoặc phân bổ lũy kế, lỗ do suy giảm giá trị và đã bao gồm các khoản chi phí tiền lương được vốn hóa vào giá trị tài sản hữu hình) tại thời điểm đầu và cuối năm tài chính báo cáo, được ghi nhận khi lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao (sau khi đã thực hiện các khoản điều chỉnh kế toán theo giá mua và các điều chỉnh loại trừ liên quan việc mua bán giữa các công ty thuộc Tập đoàn).

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với giá trị tài sản tăng và giá trị khấu hao tăng do việc đánh giá lại khi áp dụng mô hình đánh giá lại, trừ trường hợp giá trị tài sản tăng tương ứng với khoản đảo ngược khoản suy giảm giá trị tài sản đã ghi nhận trước đó

6.3.3. Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình tương ứng với phần thu nhập vượt mức của đơn vị hợp thành cao hơn thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn theo quy định tại khoản 5.4 Mục này sẽ được đưa vào khi tính khoản giảm trừ về tài sản hữu hình

6.3.4. Giá trị ghi sổ còn lại của các tài sản quy định tại khoản 6.3.5.3 Mục này mà tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh hàng hóa, cung cấp dịch vụ của chủ sở hữu tài sảnsẽ được đưa vào khi tính khoản giảm trừ về tài sản hữu hình

6.3.5. Khi tính khoản giảm trừ về tài sản hữu hình sẽ không bao gồm:

6.3.5.1. Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình được sử dụng tạo ra thu nhập vận tải quốc tế và thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn của đơn vị hợp thành (bao gồm tàu, các thiết bị và cơ sở hạ tầng hàng hải khác).

 6.3.5.2. Tài sản hữu hình hợp lệ không bao gồm giá trị ghi sổ còn lại của các tài sản (bao gồm cả đất đai hoặc công trình) được giữ để bán, cho thuê hoặc đầu tư

6.3.5.3. Trường hợp đơn vị hợp thành tại Việt Nam là chủ sở hữu tài sản hoặc đi thuê tài sản (nếu có) và tài sản hữu hình được đặt tại Việt Nam trong thời gian lớn hơn 50% trong tổng thời gian của năm liên quan thì đơn vị hợp thành được tính giảm trừ trên toàn bộ giá trị phần được giảm trừ liên quan đến tài sản hữu hình đó. Trường hợp đơn vị hợp thành tại Việt Nam là chủ sở hữu tài sản hoặc đi thuê tài sản (nếu có) và tài sản hữu hình được đặt tại Việt Nam trong thời gian từ 50% trở xuống trong tổng thời gian của năm liên quan thì đơn vị hợp thành chỉ được tính giảm trừ trên tỷ lệ phần trăm thời gian tài sản hữu hình đặt tại nước của đơn vị hợp thành là chủ sở hữu tài sản hoặc đi thuê tài sản (nếu có).

6.4. Chi phí tiền lương và tài sản hữu hình hợp lệ theo quy định tại khoản 6.2 và khoản 6.3 Mục này của một đơn vị hợp thành là một cơ sở thường trú là giá trị được hạch toán trong sổ kế toán riêng, được xác định theo quy định tại khoản 2.1 Mục này và được điều chỉnh theo quy định tại khoản 2.2 Mục này, với điều kiện người lao động hợp lệ hiện diện tại nước nơi có cơ sở thường trú; tài sản hữu hình hợp lệ được đặt tại nước nơi có cơ sở thường trú. Chi phí tiền lương và tài sản hữu hình hợp lệ của một cơ sở thường trú không được tính vào chi phí tiền lương và tài sản hữu hình hợp lệ của công ty chính.

Trường hợp thu nhập của cơ sở thường trú đã được trừ một phần hoặc toàn bộ theo quy định tại khoản 3.1, khoản 3.3.1 và khoản 17 Mục này thì chi phí tiền lương và tài sản hữu hình hợp lệ được tính theo tỷ lệ tương tự khi trừ thu nhập của cơ sở thường trú đó sẽ không được tính vào giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tập đoàn đa quốc gia.

**7. Phân bổ thuế thuộc phạm vi áp dụng từ một đơn vị hợp thành sang một đơn vị hợp thành khác**

7.1. Việc phân bổ thuế thuộc phạm vi áp dụng đối với cơ sở thường trú, đơn vị không chịu thuế thu nhập, công ty lưỡng tính và thuế đánh vào các khoản thu nhập được phân chia từ đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác thực hiện theo quy định tại khoản 7.2 Mục này.

7.2. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được phân bổ từ một đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác như sau:

7.2.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được ghi nhận trên sổ kế toán của một đơn vị hợp thành liên quan đến thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của cơ sở thường trú được phân bổ cho cơ sở thường trú đó;

7.2.2. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được ghi nhận tại sổ kế toán của một đơn vị không chịu thuế thu nhập liên quan đến thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phân bổ cho chủ sở hữu đơn vị hợp thành theo quy định tại khoản 3.3.2 Mục này được phân bổ cho chủ sở hữu đơn vị hợp thành đó;

7.2.3. Trong trường hợp đơn vị hợp thành là một công ty lưỡng tính, bất kỳ khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng nào đánh trên thu nhập của công ty lưỡng tính được ghi nhận tại sổ kế toán của chủ sở hữu đơn vị hợp thành được phân bổ cho công ty lưỡng tính đó;

7.2.4. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được ghi nhận trên sổ kế toán của các chủ sở hữu trực tiếp đơn vị hợp thành trên phần lợi nhuận được chia từ đơn vị hợp thành trong năm tài chính được phân bổ cho đơn vị hợp thành có lợi nhuận phân chia.

Quy định tại khoản 7.2.4 này áp dụng đối với cả thuế thuộc phạm vi áp dụng của chủ sở hữu đơn vị hợp thành đối với phần thu nhập được xác định là phân phối từ đơn vị hợp thành khi quyền lợi được nhận thu nhập phân phối được xác định là quyền vốn chủ sở hữu theo quy định về thuế của nước của chủ sở hữu đơn vị hợp thành và theo quy định về kế toán tài chính.

7.3. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được phân bổ cho một đơn vị hợp thành theo quy định tại khoản 7.2.3 Mục này đối với thu nhập gián tiếp được tính vào thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của đơn vị hợp thành đó sẽ bằng khoản nhỏ hơn giữa các khoản sau đây:

7.3.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được phân bổ đối với Thu nhập gián tiếp đó;

7.3.2. Kết quả của Thu nhập gián tiếp của đơn vị hợp thành bị đánh thuế theo Quy định về thuế đối với công ty nước ngoài trực thuộc hoặc theo Quy định đối với đối tượng không chịu thuế nhân với tỷ lệ thuế bổ sung tại nước của đơn vị hợp thành, được xác định mà không tính đến số thuế được chuyển cho công ty con theo Quy định về thuế đối với công ty nước ngoài bị kiểm soát hoặc Quy định đối với đối tượng không chịu thuế.

Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của chủ sở hữu đơn vị hợp thành phát sinh đối với thu nhập gián tiếp còn lại sau khi áp dụng khoản này sẽ không được phân bổ theo khoản 7.2.3 Mục này.

Trong đó:

*Thu nhập gián tiếp là thu nhập được tính trong Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu gồm: Cổ tức hoặc các khoản tương tự như cổ tức, Lãi tiền vay hay các khoản tương tự lãi tiền vay, Tiền thuê, Tiền bản quyền, Các khoản niên kim, Lợi nhuận ròng từ một loại tài sản tạo ra thu nhập được nêu trên,nhưng chỉ trong phạm vi chủ sở hữu đơn vị hợp thành phải chịu thuế đối với thu nhập đó theo cơ chế thuế đối với công ty nước ngoài trực thuộc hoặc do có quyền sở hữu trong một công ty lưỡng tính.*

7.4. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh khi tính thuế suất thực tế theo QDMTT không bao gồm:

7.4.1. Số thuế thuộc nghĩa vụ thuế của chủ sở hữu đơn vị hợp thành theo cơ chế CFC phân bổ cho đơn vị hợp thành tại Việt Nam;

7.4.2. Số thuế thuộc nghĩa vụ thuế của công ty chính phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam theo quy định tại khoản 7.2.1 Mục này;

7.4.3. Số thuế thuộc nghĩa vụ thuế của chủ sở hữu công ty lưỡng tính được phân bổ cho công ty lưỡng tính theo quy định tại khoản 7.2.3 Mục này;

7.4.4. Số thuế thuộc nghĩa vụ thuế của chủ sở hữu trực tiếp đơn vị hợp thành được phân bổ cho đơn vị hợp thành có lợi nhuận phân chia theo quy định tại khoản 7.2.4 Mục này;

7.5. Trường hợp thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của cơ sở thường trú được xác định là thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của công ty chính theo quy định tại khoản 2.5 Mục này thì bất kỳ khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng nào phát sinh tại nơi đặt cơ sở thường trú và liên quan đến thu nhập đó được xác định là thuế thuộc phạm vi áp dụng của công ty chính trong giới hạn không vượt quá kết quả từ thu nhập đó nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cao nhất đối với thu nhập thông thường tại nước nơi công ty chính đặt trụ sở.

**8. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh**

8.1. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của một đơn vị hợp thành trong năm tài chính sẽ bằng chi phí thuế hiện hành ghi nhận trong thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành đó liên quan đến thuế thuộc phạm vi áp dụng trong năm tài chính được điều chỉnh bởi các khoản sau đây:

8.1.1. Khoản chênh lệnh giữa các khoản điều chỉnh cộng theo quy định tại khoản 8.2 Mục này và điều chỉnh trừ theo quy định tại khoản 8.3 Mục này;

8.1.2. Tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại theo quy định tại khoản 9 Mục này;

8.1.3. Bất kỳ sự tăng hoặc giảm nào đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng chưa được ghi nhận vào chi phí thuế hiện hành hoặc chi phí thuế hoãn lại, nhưng được ghi nhận trong phần vốn chủ sở hữu hoặc phần thu nhập toàn diện khác liên quan đến các khoản được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mà các khoản này sẽ phải chịu thuế theo quy định của thuế nội địa.

8.2. Các khoản điều chỉnh cộng được tính vào thuế thuộc phạm vi áp dụng của một đơn vị hợp thành trong năm tài chính bao gồm các khoản sau đây:

8.2.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hạch toán là chi phí khi tính lợi nhuận trước thuế trong sổ kế toán;

8.2.2. Khoản Tài sản Thuế Hoãn lại do Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được sử dụng theo quy định tại khoản 10.5 Mục này;

8.2.3 Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được nộp trong năm tài chính và liên quan đến nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh) mà khoản đó nằm trong phần điều chỉnh trừ khỏi thuế thuộc phạm vi áp dụng trong một năm tài chính trước đó theo quy định tại khoản 8.3.4 Mục này;

8.3. Các khoản điều chỉnh trừ khỏi thuế thuộc phạm vi áp dụng của một đơn vị hợp thành trong năm tài chính bao gồm các khoản sau đây:

8.3.1. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định tại điểm c.1 khoản 1 Điều 5 Nghị định này;

8.3.2. Khoản giảm trừ hoặc hoàn trả thuế, trừ khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn và khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể chuyển nhượng theo giá thị trường mà không được ghi nhận là một khoản giảm chi phí thuế hiện hành;

8.3.3. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hoàn trả hoặc giảm trừ, trừ khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn và khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể chuyển nhượng theo giá thị trường, của một đơn vị hợp thành mà đã không được ghi nhận là khoản điều chỉnh chi phí thuế hiện hành trong sổ kế toán;

8.3.4. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến một nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh);

8.3.5. Khoản chi phí thuế hiện hành dự kiến không được thanh toán trong vòng ba năm kể từ ngày cuối cùng của năm tài chính.

8.4. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng chỉ được tính một lần.

8.5. Trong một năm tài chính mà không có thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước, nếu thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh tại một nước nhỏ hơn 0 và thấp hơn thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh theo dự kiến, các đơn vị hợp thành tại nước đó sẽ được coi là phát sinh thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành tại nước đó theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định, bằng chênh lệch giữa các khoản thuế này. Số thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh theo dự kiến bằng thu nhập hoặc lỗ Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một quốc gia nhân với thuế suất tối thiểu.

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể lựa chọn áp dụng quy định tại khoản này hoặc khoản thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành tại khoản này được xác định là chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết được quản lý theo quy định tại khoản 8.6 Mục này.

8.6. Quy trình quản lý đối với chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết được thực hiện như sau: chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết sẽ được chuyển sang các năm tiếp theo và giảm trừ số thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của năm tương ứng với điều kiện số thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh sau giảm trừ không nhỏ hơn không.

**9. Cơ chế xử lý các khoản chênh lệch tạm thời**

9.1. Tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại của một đơn vị hợp thành trong năm tài chính là chi phí thuế hoãn lại được trích trước trong sổ kế toán của đơn vị đó (là chi phí thuế hoãn lại được ghi nhận trong thu nhập hoặc lỗ trên Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành theo quy định tại khoản 8.1 Mục này và điểm c.1 khoản 1 Điều 5 Nghị định này) nếu thuế suất áp dụng thấp hơn thuế suất tối thiểu hoặc trong bất kỳ trường hợp nào khác thì chi phí thuế hoãn lại đó được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu, đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng trong năm tài chính theo các điều chỉnh quy định tại khoản 9.2 và khoản 9.3 Mục này, trừ các trường hợp sau:

9.1.1. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

9.1.2. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước không được chấp nhận và các khoản trích trước chưa được tính;

9.1.3. Kết quả từ các điều chỉnh cách thức xác định giá trị hoặc điều chỉnh việc ghi nhận kế toán liên quan đến tài sản thuế hoãn lại;

9.1.4. Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ việc tính toán lại do thay đổi thuế suất áp dụng tại một nước;

9.1.5. Chi phí thuế hoãn lại từ việc tạo lập và sử dụng các khoản giảm trừ nghĩa vụ thuế. Điểm này không áp dụng đối với khỏan lỗ thay thế từ tài sản thuế hoãn lại được chuyển kỳ sau. Trong đó một khoản lỗ thay thế từ tài sản thuế hoãn lại được chuyển kỳ sau phát sinh khi đáp ứng các điều kiện sau:

9.1.5.1. Một nước yêu cầu thu nhập từ nước ngoài bù trừ với lỗ phát sinh trong nước trước khi sử dụng khoản giảm trừ nghĩa vụ thuế nước ngoài bù trừ với nghĩa vụ thuế phát sinh liên quan đến thu nhập từ nước ngoài.

9.1.5.2. Đơn vị hợp thành có khoản lỗ phát sinh trong nước được bù trừ một phần hoặc toàn bộ bằng thu nhập từ nước ngoài.

9.1.5.3. Pháp luật thuế trong nước cho phép khoản giảm trừ nghĩa vụ thuế nước ngoài được sử dụng để bù trừ với nghĩa vụ thuế của năm tiếp theo phát sinh từ thu nhập được tính trong thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

9.2. Tổng khoản điều chỉnh thuế hoãn lại được (điều chỉnh) như sau:

9.2.1. Cộng các khoản trích trước không được chấp nhận và các khoản trích trước chưa được tính đã được thanh toán trong năm tài chính;

Khoản hoàn nhập đối với khoản trích trước không được chấp nhận không được dùng để điều chỉnh theo quy định tại điểm này vì khoản hoàn nhập này đã được tính vào chi phí thuế hiện hành mà không cần bù trừ với phần hoàn nhập thuế hoãn lại phải trả để thực hiện Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

9.2.2. Cộng các khoản thuế hoãn lại được thu hồi được xác định trong năm tài chính liền trước và đã được nộp trong năm tài chính hiện hành;

9.2.3. Giảm đi một khoản tương đương với tài sản thuế hoãn lại do lỗ của năm tài chính hiện hành phát sinh lỗ, nhưng tài sản thuế hoãn lại do lỗ đó không được ghi trên báo cáo tài chính vì không đáp ứng tiêu chuẩn được kế toán ghi nhận là tài sản thuế hoãn lại.

9.3. Một tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận ở mức thuế suất thấp hơn thuế suất tối thiểu có thể được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu trong năm tài chính mà tài sản thuế hoãn lại đó trở thành một khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, nếu người nộp thuế có thể chứng minh rằng tài sản thuế hoãn lại đó phát sinh do lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Tổng khoản điều chỉnh thuế hoãn lại được giảm tương ứng phần tăng thêm của tài sản thuế hoãn lại do được tính lại theo quy định tại khoản này.

9.4. Trường hợp khoản thuế hoãn lại phải trả, mà không phải là khoản thuế trích trước thuộc ngoại lệ không thu hồi và khoản thuế này không được nộp trong vòng năm năm tài chính tiếp theo thì khoản thuế đó phải được thu hồi. Khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi đó xác định cho năm tài chính hiện tại sẽ được xác định là khoản được loại khỏi thuế thuộc phạm vi áp dụng trong năm tài chính thứ năm trước đó và thuế suất thực tế, theo đó, thuế bổ sung của năm tài chính đó sẽ được tính lại theo các quy định tại điểm d.1 khoản 1 Điều 5 Nghị định này. Khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi trong năm tài chính hiện tại là khoản tăng lên trong một hạng mục thuế hoãn lại phải trả đã được tính vào tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại trong năm tài chính thứ năm trước đó mà không được hoàn nhập đến hết ngày cuối cùng của năm tài chính hiện tại, trừ khi khoản đó liên quan đến khoản thuế trích trước thuộc ngoại lệ không thu hồi được quy định tại khoản 9.5 Mục này.

9.5. Khoản trích trước thuộc ngoại lệ không thu hồi là chi phí thuế được trích trước do những thay đổi trong các khoản thuế hoãn lại phải trả liên quan, áp dụng đối với:

9.5.1. Các khoản dự phòng thu hồi chi phí đầu tư tài sản hữu hình;

Khoản dự phòng thu hồi chi phí đầu tư tài sản hữu hình là thuế hoãn lại phải trả phát sinh trong các trường hợp sau:

9.5.1.1. Tài sản hữu hình là tài nguyên thiên nhiên đủ điều kiện để áp dụng khấu hao nhanh, hoặc được xử lý khác đối với các chi phí liên quan dẫn đến sự khác biệt về thời gian giữa thuế và kế toán.

9.5.1.2. Tài sản hữu hình là tài nguyên thiên nhiên có sự khác biệt về chi phí vốn hóa. Nếu các quy định về kế toán tài chính có liên quan yêu cầu vốn hóa phạm vi chi phí rộng hơn so với các quy định về thuế có liên quan thì các khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan được coi là khoản trích trước thuộc ngoại lệ không thu hồi. Tương tự, nếu các chi phí như chi phí thăm dò và phát triển mỏ hoặc dầu khí được khấu trừ như phát sinh hoặc khấu hao trong một khoảng thời gian ngắn cho mục đích thuế và được vốn hóa vào tài sản tài nguyên thiên nhiên cho mục đích kế toán, các khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan được coi là khoản trích trước thuộc ngoại lệ không thu hồi.

9.5.1.3. Tài sản hữu hình đã được cho thuê có sự khác biệt về thời điểm ghi nhận theo quy định kế toán và quy định thuế nội địa (quy định kế toán quy định khoản thanh toán tiền thuê được coi là chi phí hoạt động được khấu trừ).

9.5.2. Chi phí xin cấp phép hoặc thỏa thuận tương tự từ cơ quan nhà nước cho việc sử dụng tài sản là bất động sản hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên có đầu tư lớn vào tài sản hữu hình;

9.5.3. Chi phí nghiên cứu và phát triển;

9.5.4. Chi phí thu dọn và hoàn nguyên;

9.5.5. Ghi nhận giá trị hợp lý trên lãi ròng chưa thực hiện;

9.5.6. Lãi ròng chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;

9.5.7. Dự phòng bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm mua lại trả chậm;

9.5.8. Lãi từ việc bán tài sản hữu hình tại cùng nước với đơn vị hợp thành được tái đầu tư vào tài sản hữu hình;

9.5.9. Các khoản trích trước bổ sung là kết quả của các thay đổi nguyên tắc kế toán đối với các khoản từ 9.5.1 đến 9.5.8 Mục này.

9.6. Các khoản trích trước không được chấp nhận là:

9.6.1. Thay đổi trong chi phí thuế hoãn lại được trích trước trong sổ kế toán của một đơn vị hợp thành liên quan đến một nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh);

9.6.2. Thay đổi trong chi phí thuế hoãn lại được trích trước trong sổ kế toán của đơn vị hợp thành liên quan đến khoản phân chia thu nhập từ đơn vị hợp thành.

9.7. Khoản trích trước chưa được tính bao gồm khoản phát sinh thêm trong thuế hoãn lại phải trả được ghi nhận trong sổ kế toán của một đơn vị hợp thành cho một năm tài chính mà dự kiến sẽ không được thanh toán trong khoảng thời gian được quy định tại khoản 9.4 Mục này và đơn vị hợp thành kê khai lựa chọn không tính vào tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại trong năm tài chính đó. Lựa chọn theo khoản này áp dụng theo quy định về lựa chọn hằng năm.

**10. Lựa chọn Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu**

*10.1. Lỗ ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước là thu nhập bằng không (0) hoặc bằng số âm (nếu có), được tính theo công thức sau:*

*Lỗ ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu = Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành - Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành.*

*Trong đó:*

*10.1.1. Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành là tổng Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành tại nước được xác định theo quy định tại điểm c.1 khoản 1 Điều 5 Nghị định này cho năm tài chính;*

*10.1.2. Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành là tổng Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành tại nước được xác định theo quy định tại điểm c.1 khoản 1 Điều 5 Nghị định này cho năm tài chính*

 10.2. Trường hợp phát sinh lỗ ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể lựa chọn áp dụng khoản này trong trường hợp không áp dụng quy định tại khoản 9 Mục này đối với nước đó.

 10.3. Khi lựa chọn áp dụng khoản 10.2 Mục này, Tài sản Thuế Hoãn lại do Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được tính bằng lỗ ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính tại nước đó nhân với thuế suất tối thiểu.

10.4. Giá trị tài sản thuế hoãn lại do lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được kết chuyển sang các năm tài chính tiếp theo và giá trị đó được giảm tương ứng với giá trị tài sản thuế hoãn lại do lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đã được sử dụng trong năm tài chính.

10.5. Trong bất kỳ năm tài chính nào tiếp theo có thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước, tài sản thuế hoãn lại do lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phải được sử dụng tương đương với số nhỏ hơn giữa kết quả giá trị thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu nhân với thuế suất tối thiểu và giá trị tài sản thuế hoãn lại do lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa sử dụng hết.

10.6. Nếu không tiếp tục áp dụng lựa chọn lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định tại khoản 10 Mục này, tài sản thuế hoãn lại do lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu còn lại sẽ giảm về 0 kể từ ngày đầu tiên của năm tài chính không tiếp tục áp dụng lựa chọn lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Sau đó, tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả (nếu có) của một nước sẽ được xác định như đã được xác định theo quy định tại khoản 9 Mục này và Điều 8 Nghị định này cho năm tài chính trước đó.

10.7. Lựa chọn lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phải được khai tại Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đầu tiên của tập đoàn đa quốc gia của năm tài chính đầu tiên tập đoàn đa quốc gia có một đơn vị hợp thành tại nước đó.

**11. Những điều chỉnh phát sinh sau khi kê khai và thay đổi thuế suất**

11.1. Việc điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng phải trả của đơn vị hợp thành trong năm tài chính trước đó được ghi nhận trong sổ kế toán được xác định là một khoản điều chỉnh đối với thuế thuộc phạm vi áp dụng trong năm tài chính thực hiện việc điều chỉnh, trừ việc điều chỉnh liên quan đến năm tài chính trước trong đó có khoản làm giảm thuế thuộc phạm vi áp dụng cho nước đó. Trong trường hợp có khoản làm giảm thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của đơn vị hợp thành trong năm tài chính trước đó, thuế suất thực tế và thuế bổ sung trong năm tài chính đó phải được tính lại theo quy định tại điểm d.1 khoản 1 Điều 5 Nghị định này. Khi tính lại theo điểm d.1 khoản 1 Điều 5 Nghị định này, thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh được xác định trong năm tài chính sẽ được giảm tương ứng khoản làm giảm thuế thuộc phạm vi áp dụng và thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được xác định trong năm tài chính và bất kỳ năm tài chính liên quan nào sẽ được điều chỉnh cho phù hợp. Một đơn vị hợp thành kê khai có thể thực hiện lựa chọn theo quy định về lựa chọn hằng năm để xác định khoản giảm không trọng yếu của khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng là một khoản điều chỉnh đối với các thuế thuộc phạm vi áp dụng trong năm tài chính thực hiện việc điều chỉnh. Khoản giảm không trọng yếu của các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng là tổng giá trị các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh giảm dưới 1 triệu EUR được xác định cho một nước trong một năm tài chính.

11.2. Chi phí thuế hoãn lại do thuế suất theo quy định thuế nội địa giảm được xác định là khoản điều chỉnh nợ phải trả của đơn vị hợp thành theo quy định tại khoản 11.1 nêu trên đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được tính theo quy định tại khoản 8 Mục này trong năm tài chính trước đó khi việc giảm thuế suất đó dẫn đến việc áp dụng mức thuế suất thấp hơn thuế suất tối thiểu.

11.3. Chi phí thuế hoãn lại đã nộp do thuế suất theo quy định thuế nội địa tăng sẽ được coi là khoản điều chỉnh nợ phải trả của đơn vị hợp thành theo quy định tại khoản 9.1 Mục này đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được tính theo quy định tại khoản 8 Mục này trong năm tài chính trước đó khi khoản chi phí đó ban đầu được ghi nhận ở thuế suất thấp hơn thuế suất tối thiểu. Khoản điều chỉnh này không vượt quá khoản tăng của chi phí thuế hoãn lại và tối đa bằng chi phí thuế hoãn lại được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu.

11.4. Trường hợp chi phí thuế hiện hành mà đơn vị hợp thành trích trước lớn hơn 1 triệu EUR và đã tính trong thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong năm tài chính không được nộp trong vòng ba năm kể từ ngày cuối cùng của năm đó thì thuế suất thực tế và thuế bổ sung trong năm tài chính có số tiền chưa nộp được xác định là thuế thuộc phạm vi áp dụng phải được tính lại theo quy định tại điểm d.1 khoản 1 Điều 5 Nghị định này bằng cách loại trừ số tiền chưa nộp đó khỏi các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh.

**12. Trường hợp các đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số**

12.1. Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số là đơn vị hợp thành mà công ty mẹ tối cao có quyền sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp trong đơn vị đó từ 30% trở xuống.

 12.2. Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số là tập đoàn gồm công ty mẹ có sở hữu thiểu số và các công ty con thuộc sở hữu thiểu số của công ty mẹ này.

 12.3 Công ty mẹ có sở hữu thiểu số là một đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp quyền kiểm soát đối với một đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số khác, trừ trường hợp quyền kiểm soát của công ty được đề cập đầu tiên ở trênđược một đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số khác nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp.

12.4. Công ty con thuộc sở hữu thiểu số là một đơn vị hợp thành bị một công ty mẹ có sở hữu thiểu số nắm quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp.

12.5. Việc tính thuế suất thực tế và thuế bổ sung tại Việt Nam theo quy định tại Điều 5, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định này đối với các đơn vị hợp thành của một tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số được áp dụng như là một tập đoàn đa quốc gia riêng biệt.

12.6. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh và thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số được loại trừ khi xác định phần còn lại của thuế suất thực tế của tập đoàn đa quốc gia và thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Điều 5 Nghị định này.

12.7. Thuế suất thực tế và thuế bổ sung của một đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số được tính trên cơ sở là một công ty riêng theo quy định tại Điều 5, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định này. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh và thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số được loại trừ khi xác định phần còn lại của thuế suất thực tế của tập đoàn đa quốc gia và thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định tại Điều 5 Nghị định này. Quy định này không áp dụng nếu đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số là một đơn vị đầu tư.

**13. Quy định đối với các đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi tập đoàn đa quốc gia**

13.1. Trường hợp một công ty trở thành hoặc không còn là đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia do kết quả của việc chuyển nhượng (mua hoặc bán) quyền sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp trong công ty đó trong năm tài chính (năm chuyển nhượng), trừ trường hợp quy định tại khoản 13.2 Mục này, thì:

13.1.1. Khi một công ty tham gia hoặc rời khỏi một tập đoàn đa quốc gia hoặc một công ty trở thành công ty mẹ tối cao của một tập đoàn đa quốc gia mới thì công ty đó sẽ được xác định là đơn vị hợp thành của một tập đoàn đa quốc gia theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu nếu bất kỳ phần tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí hoặc dòng tiền nào của công ty đó được cộng vào tương ứng theo từng hạng mục trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao của một tập đoàn đa quốc gia trong năm chuyển nhượng;

13.1.2. Trong năm chuyển nhượng, một tập đoàn đa quốc gia sẽ chỉ tính đến thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính và các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của công ty bị chuyển nhượng quyền sở hữu mà đã được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao để áp dụng các Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

13.1.3. Trong năm chuyển nhượng và mỗi năm tiếp theo, công ty bị chuyển nhượng quyền sở hữu sẽ xác định thu nhập hoặc lỗ theo các Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh dựa trên giá trị còn lại ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của công ty đó;

13.1.4. Khi tính chi phí tiền lương hợp lệ của công ty bị chuyển nhượng quyền sở hữu thì chỉ tính những chi phí được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao;

13.1.5. Khi tính giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ của công ty bị chuyển nhượng quyền sở hữu thì giá trị này được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian trong năm tài chính liên quan mà công ty bị chuyển nhượng quyền sở hữu là thành viên của tập đoàn đa quốc gia;

13.1.6. Trừ tài sản thuế hoãn lại do lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được lựa chọn áp dụng theo quy định tại khoản 10 Mục này, các tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả của một đơn vị hợp thành mà được chuyển nhượng giữa các tập đoàn đa quốc gia sẽ được tập đoàn đa quốc gia, là bên mua tính theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo cùng cách và mức độ tương tự như cách tính của tập đoàn đa quốc gia có quyền kiểm soát đơn vị hợp thành đó tại thời điểm các tài sản và nợ phải trả này phát sinh;

13.1.7 Trường hợp khoản thuế hoãn lại phải trả của công ty bị chuyển nhượng quyền sở hữu đã được tính vào tổng khoản điều chỉnh thuế hoãn lại của công ty đó thì khoản thuế hoãn lại phải trả này sẽ được tập đoàn đa quốc gia là bên bán hoàn nhập theo quy định tại khoản 9.4 Mục này, tập đoàn đa quốc gia là bên mua ghi nhận là phát sinh trong năm chuyển nhượng theo quy định tại khoản 9.4 Mục này, trừ trường hợp có phát sinh bất kỳ khoản điều chỉnh giảm trừ thuế thuộc phạm vi áp dụng theo quy định tại khoản 9.4 Mục này trong năm khoản thuế này được thu hồi;

13.1.8. Trường hợp công ty bị chuyển nhượng quyền sở hữu là đơn vị thuộc hai hoặc nhiều tập đoàn đa quốc gia trong năm chuyển nhượng thì công ty bị chuyển nhượng quyền sở hữu đó sẽ áp dụng riêng QDMTT cho từng tập đoàn đa quốc gia.

13.2. Việc chuyển nhượng quyền kiểm soát trong một đơn vị hợp thành sẽ được xác định là chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả nếu nước nơi đơn vị hợp thành bị chuyển nhượng quyền kiểm soát cư trú hoặc nước nơi có tài sản trong trường hợp của đơn vị không chịu thuế thu nhập quy định việc chuyển nhượng quyền kiểm soát tương tự như việc chuyển nhượng tài sản, nợ phải trả và thực hiện thu thuế thuộc phạm vi áp dụng đối với bên bán tính trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị ghi sổ làm cơ sở tính thuế của tài sản, nợ phải trả và tổng số tiền thực trả để mua quyền kiểm soát hoặc chênh lệch giữa giá trị ghi sổ làm cơ sở tính thuế và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả.

**14. Chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả**

14.1. Trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả, một đơn vị hợp thành chuyển nhượng (bên bán) sẽ ghi nhận lãi hoặc lỗ do chuyển nhượng khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng (bên mua) sẽ xác định thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu dựa trên giá trị còn lại ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả của đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng (bên mua) mà đã được xác định theo chuẩn mực kế toán được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao. Trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả giữa hai đơn vị hợp thành trong cùng một tập đoàn đa quốc gia thì thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được xác định theo quy định tại khoản này, đồng thời phải thực hiện điều chỉnh theo quy định tại khoản 4.4 Mục này.

14.2. Trường hợp một đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia phải điều chỉnh hoặc được phép điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý để tính thuế tại nước nơi đơn vị hợp thành đó cư trú thì theo lựa chọn của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai, đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia đó thực hiện như sau:

14.2.1. Tính khoản lãi hoặc lỗ liên quan đến tài sản và nợ phải trả của đơn vị hợp thành đó khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, bằng khoản chênh lệch giữa giá trị còn lại ghi sổ theo sổ kế toán đối với tài sản hoặc nợ phải trả ngay trước và giá trị hợp lý của tài sản hoặc các khoản nợ phải trả ngay sau ngày phát sinh sự kiện điều chỉnh thuế (sự kiện phát sinh điều chỉnh) trừ đi (hoặc cộng thêm) do lãi (hoặc lỗ) không đạt chuẩn (nếu có) phát sinh liên quan đến sự kiện phát sinh điều chỉnh đó;

14.2.2. Sử dụng giá trị hợp lý của tài sản hoặc các khoản phải trả theo sổ kế toán ngay sau sự kiện phát sinh điều chỉnh để xác định thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các năm tài chính kết thúc sau sự kiện phát sinh điều chỉnh;

14.2.3. Tính các khoản được xác định tại khoản 14.2.1 Mục này vào thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành bằng tổng của các khoản gộp lại được tính vào năm tài chính có phát sinh sự kiện điều chỉnh hoặc tổng các khoản điều chỉnh được phân bổ trong năm (05) năm, bao gồm năm tài chính phát sinh sự kiện điều chỉnh và bốn (04) năm tài chính liền kề tiếp theo, trừ trường hợp đơn vị hợp thành rời khỏi tập đoàn đa quốc gia trong thời gian này thì phần chưa phân bổ hết sẽ được tính toàn bộ vào năm tài chính mà đơn vị hợp thành rời khỏi tập đoàn đa quốc gia.

**15. Liên doanh**

15.1. *Liên doanh* là đơn vị có kết quả tài chính được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao với điều kiện là công ty mẹ tối cao nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 50% quyền sở hữu của đơn vị đó. Liên doanh không bao gồm:

15.1.1. Công ty mẹ tối cao của một tập đoàn đa quốc gia là đối tượng áp dụng Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

15.1.2. Tổ chức được loại trừ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 107/2023/QH15;

15.1.3. Đơn vị có quyền sở hữu do tập đoàn đa quốc gia nắm giữ trực tiếp thông qua một tổ chức được loại trừ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 107/2023/QH15 và đơn vị đó hoạt động chủ yếu với mục đích nắm giữ tài sản hoặc đầu tư vốn vì lợi ích của các nhà đầu tư, thực hiện các hoạt động phụ trợ cho các hoạt động được thực hiện bởi tổ chức được loại trừ; hoặc hầu như tất cả thu nhập của liên doanh được loại trừ khỏi thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu quy định tại khoản 4.1.2 và khoản 4.1.3 Mục này.

15.1.4. Đơn vị do một tập đoàn đa quốc gia nắm giữ mà tập đoàn đa quốc gia này chỉ bao gồm các tổ chức bị loại trừ;

15.1.5. Công ty con của liên doanh.

15.2. *Tập đoàn liên doanh* là tập đoàn gồm liên doanh và các công ty con của liên doanh đó.

15.3. *Công ty con của liên doanh* là công ty có tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và dòng tiền được hợp nhất bởi một liên doanh theo chuẩn mực Báo cáo tài chính được chấp nhận (hoặc nếu có quy định phải hợp nhất các khoản mục này theo chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận). Một cơ sở thường trú có công ty chính là liên doanh hoặc là công ty con của liên doanh được xác định là công ty con riêng biệt của liên doanh.

15.4. Thuế bổ sung của tập đoàn liên doanh là thuế bổ sung của tất cả các thành viên của tập đoàn liên doanh.

15.5. Thuế bổ sung của tập đoàn liên doanh là thuế phân bổ của công ty mẹ tối cao từ phần thuế bổ sung của tất cả các thành viên của tập đoàn liên doanh.

15.6. Liên doanh và các công ty con của liên doanh được xác định là các đơn vị hợp thành của một tập đoàn đa quốc gia riêng biệt và liên doanh được xác định là công ty mẹ tối cao của tập đoàn đa quốc gia đó khi tính khoản thuế bổ sung của liên doanh và các công ty con của liên doanh theo quy định tại Điều 5, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định này.

 **16. Tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ**

16.1. Tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ là trường hợp có hai hoặc nhiều tập đoàn, trong đó các công ty mẹ tối cao của các tập đoàn đó tham gia vào một thỏa thuận là hợp đồng ràng buộc hoặc thỏa thuận niêm yết kép và ít nhất một công ty hoặc một cơ sở thường trú của tập đoàn hợp nhất được đặt tại một nước khác với nước nơi có các công ty khác của tập đoàn hợp nhất.

16.2. Hợp đồng ràng buộc là một thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều công ty mẹ tối cao của các tập đoàn riêng biệt đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

16.2.1. 50% hoặc hơn 50% quyền sở hữu của các công ty mẹ tối cao trong các tập đoàn riêng biệt được kết hợp với nhau thông qua hình thức sở hữu, quy định hạn chế chuyển nhượng hoặc theo các điều khoản hoặc điều kiện khác mà quyền sở hữu sau khi kết hợp không được chuyển nhượng hoặc giao dịch một cách độc lập. Nếu quyền sở hữu của các công ty sau khi kết hợp được niêm yết trên thị trường chứng khoán, thì sẽ được niêm yết theo cùng một giá;

16.2.2. Một trong các công ty mẹ tối cao trong thỏa thuận sẽ lập một Báo cáo tài chính hợp nhất theo đó tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và dòng tiền của tất cả các đơn vị hợp thành của tập đoàn được trình bày chung theo các khoản mục của một đơn vị kinh tế và được kiểm toán độc lập theo quy định.

16.3. Thỏa thuận niêm yết kép là một thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều công ty mẹ tối cao của các tập đoàn riêng biệt, đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

16.3.1. Các công ty mẹ tối cao đồng ý kết hợp hoạt động kinh doanh của họ theo hợp đồng;

16.3.2. Theo thỏa thuận hợp đồng, các công ty mẹ tối cao sẽ thực hiện phân chia cổ tức và tài sản thanh lý cho các cổ đông của công ty mẹ tối cao dựa trên một tỷ lệ cố định;

16.3.3. Hoạt động của các công ty được quản lý như quản lý các hoạt động trong cùng một tổ chức kinh tế theo thỏa thuận hợp đồng, trong khi vẫn duy trì tư cách pháp nhân riêng biệt của từng công ty;

16.3.4. Quyền sở hữu của các công ty mẹ tối cao tham gia trong thỏa thuận này được niêm yết, giao dịch hoặc chuyển nhượng độc lập trên các thị trường vốn khác nhau;

16.3.5. Các công ty mẹ tối cao lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó các khoản mục tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và dòng tiền của tất cả các thành viên thuộc tập đoàn được trình bày chung theo các khoản mục của một đơn vị kinh tế duy nhất và được kiểm toán độc lập theo quy định.

16.4. Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu áp dụng đối với tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ như sau:

16.4.1. Đơn vị hợp thành và các đơn vị không phải đơn vị hợp thành của mỗi tập đoàn được xác định là thành viên của tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ;

16.4.2. Một đơn vị (không phải là tổ chức được loại trừ) được xác định là đơn vị hợp thành nếu đơn vị đó được hợp nhất vào Báo cáo tài chính của tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ theo từng khoản mục tương ứng hoặc quyền kiểm soát của đơn vị đó được nắm giữ bởi các đơn vị trong tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ;

16.4.3. Báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ sẽ là Báo cáo tài chính hợp nhất, tùy từng trường hợp, được nêu tại quy định về hợp đồng ràng buộc tại khoản 16.2 Mục này hoặc tại quy định về thỏa thuận niêm yết kép tại khoản 16.3 Mục này, được lập theo chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận và được xác định là chuẩn mực kế toán của công ty mẹ tối cao;

16.4.4. Các công ty mẹ tối cao của các tập đoàn riêng biệt kết hợp thành tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ sẽ là các công ty mẹ tối cao của tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ;

16.4.5. QDMTT được áp dụng riêng đối đối với các đơn vị hợp thành tại Việt Nam của tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ;

16.4.6. Các đơn vị hợp thành phải nộp tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này, trừ trường hợp các đơn vị hợp thành thống nhất chỉ định một đơn vị hợp thành thực hiện việc kê khai. Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu do đơn vị hợp thành thực hiện phải bao gồm thông tin liên quan đến từng tập đoàn đã được kết hợp thành một tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ.

**17. Cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là một đơn vị trung chuyển**

17.1. Cơ sở thường trú được áp dụng quy định tại khoản này nếu thuộc một trong hai trường hợp sau:

17.1.1. Đơn vị trung chuyển là công ty mẹ tối cao của một tập đoàn đa quốc gia thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của mình thông qua cơ sở thường trú đó;

17.1.2. Đơn vị không chịu thuế thu nhập thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh thông qua cơ sở thường trú đó và đơn vị không chịu thuế thu nhập đó được công ty mẹ tối cao sở hữu trực tiếp hoặc thông qua một hệ thống các đơn vị không chịu thuế thu nhập.

17.2. Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính của cơ sở thường trú được giảm một khoản bằng thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phân bổ cho phần quyền sở hữu trong công ty mẹ tối cao của cơ sở thường trú đó nếu thuộc một trong ba trường hợp sau:

17.2.1. Đối tượng nắm giữ quyền sở hữu đó phải tính thuế đối với khoản thu nhập này trong kỳ tính thuế mà kỳ tính thuế đó có thời điểm kết thúc không muộn hơn 12 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính của tập đoàn đa quốc gia và đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

17.2.1.1. Đối tượng nắm giữ quyền sở hữu đó phải chịu thuế đối với toàn bộ thu nhập này theo thuế suất danh nghĩa bằng hoặc cao hơn thuế suất tối thiểu. Thuế suất danh nghĩa là thuế suất theo quy định của pháp luật đối với đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trên phần thu nhập mà công ty mẹ tối cao phân bổ cho đối tượng này.

17.2.1.2. Có căn cứ hợp lý để xác định thuế thuộc phạm vi áp dụng đã nộp bởi cơ sở thường trú và các đơn vị khác của một hệ thống các đơn vị không chịu thuế thu nhập và khoản thuế mà đối tượng nắm giữ quyền sở hữu phải nộp đối với thu nhập này bằng hoặc cao hơn giá trị của khoản thu nhập này nhân với thuế suất tối thiểu;

17.2.2. Đối tượng nắm giữ quyền sở hữu cơ sở thường trú là cá nhân cư trú phải nộp thuế tại nước của công ty mẹ tối cao (nước nơi công ty mẹ tối cao cư trú) và nắm giữ trực tiếp tổng quyền sở hữu từ 5% trở xuống đối với lợi nhuận và tài sản của công ty mẹ tối cao;

17.2.3. Đối tượng nắm giữ quyền sở hữu cơ sở thường trú là tổ chức chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận hoặc quỹ hưu trí và là đối tượng cư trú tại nước có công ty mẹ tối cao nắm giữ tổng quyền sở hữu từ 5% trở xuống đối với lợi nhuận và tài sản của công ty mẹ tối cao.

17.3. Khi tính khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho một năm tài chính, cơ sở thường trú quy định tại khoản 17.1 Mục này sẽ được giảm khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính đó bằng khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tương ứng với phần quyền sở hữu, trừ trường hợp người nắm giữ quyền sở hữu không được phép sử dụng khoản lỗ đó khi tính thu nhập chịu thuế riêng của mình.

17.4. Cơ sở thường trú giảm thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định tại khoản 17.1 Mục này thì giảm thuế thuộc phạm vi áp dụng tương ứng.

1. **CÁCH XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ ĐỂ TÍNH IIR**

**1. Các khoản điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành**

1.1.Các khoản thuế thu nhập quy về cho chủ sở hữu được hoàn trả không đạt chuẩn được trích trước là một khoản chi phí được xác định là khoản chi phí thuế ròng được điều chỉnh;

1.1.1. *Thuế thu nhập được quy về cho chủ sở hữu được hoàn trả không đạt chuẩn* là các khoản thuế, trừ các khoản thuế thu nhập quy về cho chủ sở hữu được hoàn trả đạt chuẩn, được đơn vị hợp thành đã trả hoặc trích trước trong các trường hợp:

- Được hoàn cho chủ sở hữu khoản cổ tức mà đơn vị hợp thành chia liên quan đến khoản cổ tức đó hoặc được chủ sở hữu khấu trừ vào nghĩa vụ thuế nhưng không phải nghĩa vụ thuế của khoản cổ tức đó;

- Được hoàn cho công ty chia cổ tức khi tiến hành chia cổ tức.

Thuế áp dụng đối với người nhận cổ tức và được đơn vị chi trả cổ tức đã khấu trừ khi trả cổ tức đó không phải là thuế thu nhập quy về cho chủ sở hữu được hoàn trả không đạt chuẩn ngay cả trong trường hợp một phần hoặc toàn bộ thuế đã khấu trừ được cơ quan thuế hoàn lại cho người nhận cổ tức (cổ đông).

*1.1.2. Thuế thu nhập được quy về cho chủ sở hữu đạt chuẩn là* thuế thuộc phạm vi áp dụng được tính hoặc được trả bởi một đơn vị hợp thành và được hoàn lại hoặc giảm trừ cho chủ sở hữu nhận cổ tức được chia bởi đơn vị hợp thành đó (bao gồm cả trường hợp thuế thuộc phạm vi áp dụng được tính hoặc được thanh toán bởi cơ sở thường trú, cổ tức do công ty chính phân phối) trong phạm vi khoản hoàn thuế được chi trả hoặc các khoản giảm trừ được quy định:

1.1.2.1. Bởi một nước không phải là nước có các loại thuế thuộc phạm vi áp dụng theo chế độ cho khấu trừ thuế nộp ở nước ngoài;

1.1.2.2. Áp dụng đối với chủ sở hữu hưởng lợi của cổ tức phải chịu thuế theo thuế suất danh nghĩa bằng hoặc vượt quá thuế suất tối thiểu đối với cổ tức trên cơ sở quy định hiện tại theo luật của nước có các loại thuế thuộc phạm vi áp dụng đối với đơn vị hợp thành;

1.1.2.3. Áp dụng đối với cá nhân là một chủ sở hữu hưởng lợi ích từ việc nhận cổ tức là đối tượng cư trú thuế của nước có các loại thuế thuộc phạm vi áp dụng đối với đơn vị hợp thành và cá nhân đó phải chịu thuế đối với cổ tức như khoản thu nhập thông thường;

1.1.2.4. Áp dụng đới với tổ chức của chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận cư trú, một quỹ hưu trí cư trú, một đơn vị đầu tư cư trú không phải là một tổ chức trong tập đoàn hoặc công ty bảo hiểm nhân thọ cư trú trong phạm vi cổ tức nhận được có liên quan đến hoạt động kinh doanh quỹ hưu trí và phải chịu thuế tương tự như cổ tức mà quỹ hưu trí nhận được.

Một tổ chức phi lợi nhuận hoặc quỹ hưu trí quy định điểm này được xác định là cư trú tại một nước nếu các tổ chức này được thành lập và quản lý tại nước đó. Đơn vị đầu tư quy định điểm này được xác định là cư trú tại một nước nếu đơn vị đó được thành lập và được quy định tại nước đó. Công ty bảo hiểm nhân thọ quy định điểm này được xác định là cư trú tại nước nơi đóng trụ sở.

1.2. Lãi hoặc lỗ do chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả được loại trừ quy định tại khoản 5 Mục III Phụ lục này;

1.3. Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn và Khoản Giảm trừ thuế thu nhập có thể chuyển nhượng theo giá thị trường sẽ được xác định là thu nhập khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của một đơn vị hợp thành. Khoản giảm trừ thuế thu nhập được hoàn trả không đạt chuẩn sẽ không được xác định là thu nhập khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của một đơn vị hợp thành.

1.3.1. *Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn* là khoản giảm trừ thuế thu nhập được hoàn trả với điều kiện khoản giảm trừ này phải được trả bằng tiền hoặc tương đương tiền trong vòng bốn năm kể từ khi đơn vị hợp thành đáp ứng các điều kiện được giảm trừ thuế thu nhập theo luật của nước cho giảm trừ. Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả một phần là khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn nếu khoản này được trả bằng tiền hoặc tương đương tiền trong vòng bốn năm kể từ khi một đơn vị hợp thành đáp ứng các điều kiện để nhận các khoản giảm trừ theo luật của nước cho giảm trừ. Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn không bao gồm khoản tiền thuế được giảm trừ hoặc được hoàn trả theo cơ chế thuế thu nhập được quy về cho chủ sở hữu đạt chuẩn hoặc không đạt chuẩn.

*1.3.2. Khoản giảm trừ thuế thu nhập được hoàn trả không đạt chuẩn* là khoản giảm trừ thuế không phải là khoản giảm trừ thuế được hoàn trả đạt chuẩn và khoản giảm trừ thuế này được hoàn trả toàn bộ hay một phần.

1.3.3. Trường hợp khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn được phân bổ từ một đơn vị không chịu thuế thu nhập sang chủ sở hữu của đơn vị không chịu thuế thu nhập này thì khoản giảm trừ được xác định là thu nhập của chủ sở hữu để tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Trường hợp khoản giảm trừ thuế thu nhập hoàn trả không đạt chuẩn hoặc khoản giảm trừ thuế thu nhập không được hoàn trả được phân bổ từ một đơn vị không chịu thuế thu nhập sang chủ sở hữu của đơn vị không chịu thuế thu nhập này thì khoản này không được xác định là thu nhập khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mà được xác định là khoản giảm trừ đối với thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của chủ sở hữu , trừ khi khoản giảm trừ là lợi ích thuế đạt chuẩn thông qua một đơn vị không chịu thuế. Trong đó:

1.3.4. Lợi ích thuế đạt chuẩn thông qua một đơn vị không chịu thuế là các khoản làm giảm giá trị đầu tư của chủ sở hữu có quyền sở hữu đạt chuẩn (không bao gồm khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn), bao gồm một trong các khoản sau:

1.3.4.1. Khoản giảm trừ thuế được chuyển tiếp cho chủ sở hữu;

1.3.4.2. Tích số của khoản lỗ được bù trừ chuyển tiếp cho chủ sở hữu nhân (x) thuế suất áp dụng đối với chủ sở hữu;

1.3.4.3. Khoản phẩn bổ (bao gồm lợi nhuận trên vốn) cho chủ sở hữu

1.3.4.4. Khoản thu từ việc bán toàn bộ hoặc một phần quyền sở hữu đạt chuẩn.

Trong mọi trường hợp, quy tắc này không làm khoản đầu tư của chủ sở hữu nhỏ hơn 0 và do đó, không có khoản lợi ích thuế đạt chuẩn thông qua một đơn vị không chịu thuế làm giảm giá trị đầu tư xuống dưới 0.

1.3.5. Quyền sở hữu đạt chuẩn là quyền sở hữu đáp ứng các điều kiện sau:

1.3.5.1. Một khoản đầu tư vào một đơn vị không chịu thuế thu nhập, được xác định là một lợi ích vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật thuế trong nước và được xác định là một lợi ích vốn chủ sở hữu theo chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng tại nước nơi đơn vị không chịu thuế hoạt động, khi tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị không chịu thuế thu nhập không được hợp nhất trên cơ sở cộng từng chỉ tiêu vào báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn đa quốc gia.

1.3.5.2. Tổng lợi nhuận đối với quyền sở hữu đó (bao gồm các khoản phân chia thu nhập, lợi ích đối với khoản lỗ thuế và khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn phát sinh từ đơn vị không chịu thuế và không bao gồm các khoản giảm trừ khác ngoài Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn) được dự kiến là sẽ nhỏ hơn tổng khoản đầu tư của chủ sở hữu tương ứng với tỷ lệ khoản đầu tư được hoàn trả dưới hình thức một khoản giảm trừ thuế trừ khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn (không phụ thuộc vào việc khoản giảm trừ thuế được dự kiến là sẽ chuyển nhượng hoặc sử dụng để giảm nghĩa vụ thuế của nhà đầu tư).

1.3.5.3. Nhà đầu tư có quyền sở hữu đạt chuẩn sử dụng phương pháp khấu hao theo tỷ lệ để tính lãi theo kế toán tài chính phải áp dụng phương pháp khấu hao theo tỷ lệ để xác định số tiền đầu tư được thu hồi mỗi năm. Mặt khác, nhà đầu tư có Quyền sở hữu đạt chuẩn cũng có thể chọn sử dụng phương pháp này để xác định số tiền đầu tư được thu hồi mỗi năm.

1.3.5.4. Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể chuyển nhượng theo giá thị trường là khoản giảm trừ thuế thu nhập mà chủ sở hữu khoản giảm trừ sử dụng để giảm nghĩa vụ đối với thuế thuộc phạm vi áp dụng tại nước đã cho phép khoản giảm trừ này, đồng thời khoản giảm trừ này của chủ sở hữu phải đáp ứng điều kiện về việc chuyển nhượng hợp pháp và điều kiện về khả năng tiếp cận thị trường.

1.3.5.5. Đơn vị đầu tiên áp dụng khoản giảm trừ thuế (sau đây gọi là đơn vị đầu tiên) đáp ứng điều kiện về khả năng chuyển nhượng hợp pháp nếu quy định về giảm trừ thuế quy định đơn vị đầu tiên có thể chuyển nhượng khoản giảm trừ đó cho một bên không liên quan trong Năm tài chính mà đơn vị đầu tiên đáp ứng các điều kiện để hưởng khoản giảm trừ (Năm đầu tiên) hoặc trong vòng 15 tháng kể từ ngày kết thúc Năm bắt đầu.

1.3.5.6. Đơn vị nhận khoản giảm trừ thuế đáp ứng điều kiện về khả năng chuyển nhượng hợp pháp nếu quy định về giảm trừ thuế quy định để đơn vị nhận khoản giảm trừ có thể chuyển khoản tín dụng đó cho một bên không liên quan trong năm tài chính mà Đơn vị nhận khoản giảm trừ đã mua khoản giảm trừ đó. Trường hợp theo quy định về khoản giảm trừ thuế này, Đơn vị nhận khoản giảm trừ không thể chuyển khoản giảm trừ một cách hợp pháp cho một bên không liên quan hoặc phải chịu các quy định pháp lý nghiêm ngặt hơn trong việc chuyển khoản giảm trừ so với đơn vị đầu tiên, thì khoản giảm trừ thuế này không đáp ứng được điều kiện chuyển nhượng hợp pháp đối với đơn vị nhận khoản giảm trừ.

1.3.5.7. Đơn vị đầu tiên đáp ứng điều kiện về khả năng tiếp cận thị trường nếu khoản giảm trừ thuế được chuyển nhượng cho một bên không liên quan trong vòng 15 tháng kể từ ngày kết thúc năm bắt đầu (trường hợp không được chuyển nhượng hoặc chuyển giao giữa các bên liên quan, khoản giảm trừ thuế tương tự sẽ được giao dịch giữa các bên không liên quan trong vòng 15 tháng kể từ ngày kết thúc năm đầu tiên) với mức giá bằng hoặc vượt quá giá sàn thị trường. Đơn vị nhận khoản giảm trừ đáp ứng điều kiện về khả năng tiếp thị nếu đơn vị nhận khoản giảm trừ đó nhận được khoản giảm trừ từ một bên không liên quan ở mức giá bằng hoặc vượt quá giá sàn thị trường. Trong đó,

Giá sàn thị trường được xác định là 80% giá trị hiện tại ròng của khoản giảm trừ thuế, trong đó giá trị hiện tại ròng được xác định dựa trên lợi tức đáo hạn của một công cụ nợ được cấp bởi Chính phủ đã cấp khoản giảm trừ thuế mà công cụ nợ có kỳ hạn bằng hoặc tương đương (và có kỳ hạn tối đa 5 năm) được cấp trong cùng năm tài chính khi khoản giảm trừ thuế được chuyển nhượng (trường hợp khoản giảm trừ thuế không được chuyển nhượng thì xét công cụ nợ được cấp Năm đầu tiên của khoản giảm trừ).

1.4. Phân bổ tổng thu nhập từ chuyển nhượng tài sản hữu hình là bất động sản

*Tổng Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản hữu hình là bất động sản là lãi ròng trong năm lựa chọn từ việc chuyển nhượng tài sản hữu hình là bất động sản tại một nước của tất cả các đơn vị hợp thành tại nước đó nhưng không bao gồm các khoản lãi hoặc lỗ do chuyển nhượng tài sản hữu hình là bất động sản giữa các thành viên trong tập đoàn.*

1.4.1. Trường hợp phát sinh tổng thu nhập từ chuyển nhượng tài sản hữu hình là bất động sản tại một nước trong một năm tài chính thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể lựa chọn điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước đối với mỗi năm tài chính trong giai đoạn chuyển lãi về các năm tài chính trước đó theo quy định tại khoản 1.4.2 và khoản 1.4.3 Mục này

 Khi thực hiện lựa chọn điều chỉnh theo khoản này, các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng liên quan đến bất kỳ thu nhập từ chuyển nhượng tài sản hữu hình là bất động sản hoặc lỗ ròng từ chuyển nhượng tài sản hữu hình là bất động sản trong năm lựa chọn sẽ được loại trừ khi tính thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh.

Lựa chọn theo khoản này là Lựa chọn hằng năm.

*Giai đoạn chuyển lãi về các năm tài chính trước theo quy định tại khoản này là năm được lựa chọn và bốn năm tài chính trước năm lựa chọn.*

1.4.2. Nguyên tắc phân bổ thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản:

1.4.2.1. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản trong năm lựa chọn sẽ được phân bổ đều vào các năm tài chính trong giai đoạn chuyển lãi về các năm tài chính trước. Trường hợp các năm trong giai đoạn chuyển lãi có năm phát sinh lỗ ròng từ chuyển nhượng bất động sản tính theo quốc gia thì thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản được thực hiện theo quy định tại khoản 1.4.2.2 và khoản 1.4.2.3 Mục này.

1.4.2.2. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản trong năm lựa chọn sẽ được bù trừ theo tỷ lệ với lỗ ròng từ chuyển nhượng bất động sản của từng đơn vị hợp thànhphát sinh lỗ ròng từ chuyển nhượng bất động sản trong năm tài chính bắt đầu từ năm đầu tiên phát sinh lỗ ròng từ chuyển nhượng bất động sản tính theo quốc gia trong giai đoạn chuyển lãi về các năm tài chính trước đó.

*Năm phát sinh lỗ ròng từ chuyển nhượng bất động sản tính theo quốc gia là năm tài chính trong giai đoạn chuyển lãi về các năm tài chính trước có phát sinh lỗ ròng từ chuyển nhượng bất động sản cho một đơn vị hợp thành tại nước đó và tổng số tiền lỗ ròng từ chuyển nhượng bất động sản của tất cả các đơn vị hợp thành vượt quá tổng thu nhập ròng từ chuyển nhượng bất động sản của các đơn vị hợp thành.*

*Lỗ tài sản ròng đối với đơn vị hợp thành và năm tài chính, là khoản lỗ ròng từ việc thanh lý tài sản hữu hình tại một nước của đơn vị hợp thành đó trong năm không bao gồm lãi hoặc lỗ khi điều chuyển tài sản cho một thành viên khác của tập đoàn. Khoản lỗ tài sản ròng sẽ được giảm bằng số tiền lợi nhuận tài sản ròng hoặc thu nhập từ tài sản đã điều chỉnh được bù trừ cho khoản lỗ đó theo quy định tại khoản 1.4.2.2 và khoản 1.4.2.3 Mục này do kết quả của việc lựa chọn trước đó được thực hiện theo khoản này.*

1.4.2.3. Trường hợp năm tài chính có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản được chuyển về nhỏ hơn tổng lỗ ròng từ chuyển nhượng bất động sản của tất cả các đơn vị hợp thành có lỗ ròng từ chuyển nhượng bất động sản trong năm tài chính thì thu nhập đó được bù trừ cho từng đơn vị hợp thành theo tỷ lệ lỗ ròng của từng đơn vị hợp thành trên tổng lỗ ròng từ chuyển nhượng bất động sản của tất cả các đơn vị hợp thành có lỗ ròng từ chuyển nhượng bất động sản.

1.4.2.4. Trường hợp trong bất kỳ năm lỗ nào, thu nhập từ tài sản đã điều chỉnh vượt quá tổng số lỗ tài sản ròng của tất cả các đơn vị hợp thành tại nước đã thực hiện lựa chọn, thu nhập từ tài sản đã điều chỉnh sẽ được chuyển sang năm lỗ tiếp theo (nếu có) và được bù trừ theo tỷ lệ đối với bất kỳ lỗ tài sản ròng nào của bất kỳ đơn vị hợp thành nào tại nước đã thực hiện lựa chọn.

1.4.3. Thu nhập từ tài sản đã điều chỉnh còn lại sau khi áp dụng khoản 1.4.2.2 và khoản 1.4.2.3 Mục này sẽ được phân bổ đều cho mỗi năm tài chính trong giai đoạn chuyển lãi về các năm tài chính trước đó. Thu nhập từ tài sản được phân bổ của năm liên quan sẽ được tính vào thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho một đơn vị hợp thành tại nước đó trong năm đó theo công thức sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Thu nhập từ tài sản được phân bổ cho năm liên quan cho một đơn vị hợp thành tại nước đó*  | *=* | *Thu nhập từ tài sản được phân bổ cho năm liên quan* | *x* | *Thu nhập tài sản ròng trong năm lựa chọn của đơn vị hợp thành được xác định* |
| *Thu nhập tài sản ròng của tất cả các đơn vị hợp thành được xác định trong năm lựa chọn* |

Công thức quy định tại điểm này áp dụng đối với đơn vị hợp thành có thu nhập tài sản ròng trong năm lựa chọn và đơn vị hợp thành này nằm tại nước đã thực hiện lựa chọn trong năm liên quan. Nếu không có đơn vị hợp thành được xác định cho một năm liên quan, thu nhập từ tài sản đã điều chỉnh được phân bổ cho năm đó sẽ được phân bổ đều nhau cho mỗi đơn vị hợp thành tại nước đã thực hiện lựa chọn trong năm liên quan.

Trong đó:

*1.4.3.1. Thu nhập từ tài sản được phân bổ cho năm liên quan là thu nhập từ tài sản đã điều chỉnh được phân bổ cho năm tài chính đó trong giai đoạn chuyển lãi về các năm tài chính trước theo quy định tại điểm này.*

*1.4.3.2. Thu nhập từ tài sản đã điều chỉnh liên quan đến tổng thu nhập từ tài sản là khoản được xác định bằng tổng thu nhập từ tài sản trong năm lựa chọn trừ (-) khoản thu nhập đã được bù trừ với số lỗ tài sản ròng của năm lỗ trước đó theo quy định tại khoản 1.4.2.2 và khoản 1.4.2.3 Mục này*.

*1.4.3.3. Thu nhập tài sản ròng là lợi nhuận ròng trong năm lựa chọn của một đơn vị hợp thành được xác định là thu nhập ròng từ việc thanh lý bất động sản tại một nước của một đơn vị hợp thành nằm tại nước mà việc lựa chọn được thực hiện nhưng không bao gồm lãi hoặc lỗ khi chuyển nhượng tài sản cho một thành viên khác của tập đoàn*

1.4.4. Trường hợp thu nhập từ tài sản của một năm tài chính không đủ bù lỗ cho các khoản lỗ đã phát sinh thì phần lỗ còn lại tiếp tục được bù lỗ theo nguyên tắc quy định tại khoản này.

1.4.5. Thuế suất thực tế và thuế bổ sung, nếu có, áp dụng cho bất kỳ năm tài chính nào trước đó đều phải được tính lại theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

1.5. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể lựa chọn áp dụng nghiệp vụ kế toán hợp nhất để loại bỏ thu nhập, chi phí, lãi và lỗ từ các giao dịch giữa các đơn vị hợp thành cư trú tại cùng một nước trong cùng báo cáo thuế hợp nhất của tập đoàn tại nước đó để tính thu nhập hoặc lỗ ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của từng đơn vị hợp thành đó. Lựa chọn theo khoản này áp dụng theo quy định về Lựa chọn 5 năm. Khi thực hiện hoặc chấm dứt việc lựa chọn quy định tại khoản này, cần thực hiện các điều chỉnh thích hợp theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu để đảm bảo không có sự trùng lặp hoặc bỏ sót của các khoản thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu từ việc thực hiện hoặc chấm dứt việc lựa chọn.

**2.** **Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu**

Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu thực hiện theo quy định tại khoản 6 Mục II Phụ lục này và các quy định dưới đây.

2.1. Khi tính khoản giảm trừ về tài sản hữu hình của công ty mẹ tối cao thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức sẽ không bao gồm giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ tương ứng với phần thu nhập bị loại trừ của công ty mẹ tối cao này.

2.2. Chi phí tiền lương và tài sản hữu hình hợp lệ của một đơn vị trung chuyển không phân bổ cho cơ sở thường trú theo quy định tại khoản 6.4 Mục II Phụ lục này, thì phân bổ như sau:

2.2.1. Nếu thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của đơn vị trung chuyển đã được phân bổ cho chủ sở hữu đơn vị hợp thành thì chi phí tiền lương và tài sản hữu hình hợp lệ của công ty được phân bổ theo tỷ lệ tương tự cho chủ sở hữu đơn vị hợp thành với điều kiện chủ sở hữu đơn vị hợp thành đó cư trú tại nước nơi có người làm công hợp lệ và tài sản hữu hình hợp lệ;

2.2.2. Nếu đơn vị trung chuyển là công ty mẹ tối cao thì chi phí tiền lương và tài sản hữu hình hợp lệ tại nước nơi công ty mẹ tối cao cư trú được phân bổ cho công ty đó và giảm tương ứng với thu nhập được loại trừ theo quy định tại khoản 7.1 Mục này;

2.2.3. Tất cả các khoản chi phí tiền lương hợp lệ và tài sản hữu hình hợp lệ khác của đơn vị trung chuyển được loại trừ khi tính giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tập đoàn đa quốc gia.

**3. Phân bổ thuế thuộc phạm vi áp dụng từ một đơn vị hợp thành sang một đơn vị hợp thành khác**

3.1. Việc phân bổ thuế thuộc phạm vi áp dụng đối với cơ sở thường trú, Đơn vị không chịu thuế thu nhập, Công ty lưỡng tính, Công ty nước ngoài bị kiểm soát (CFC) và thuế đánh vào các khoản thu nhập được phân chia từ đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác thực hiện theo quy định tại khoản 3.2 Mục này.

3.2. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được phân bổ từ một đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác như sau:

3.2.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được ghi nhận trên sổ kế toán của một đơn vị hợp thành liên quan đến thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của cơ sở thường trú được phân bổ cho cơ sở thường trú đó;

3.2.2. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được ghi nhận tại sổ kế toán của một đơn vị không chịu thuế thu nhập liên quan đến thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phân bổ cho chủ sở hữu đơn vị hợp thành theo quy định tại khoản 3.3.2 Mục II Phụ lục này được phân bổ cho chủ sở hữu đơn vị hợp thành đó;

3.2.3. Trong trường hợp một đơn vị hợp thành có chủ sở hữu phải tuân theo Quy định về thuế đối với công ty nước ngoài bị kiểm soát, bất kỳ khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng nào được ghi nhận tại sổ kế toán của chủ sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp của đơn vị hợp thành theo Quy định về thuế đối với công ty nước ngoài bị kiểm soát trên phần thu nhập của công ty nước ngoài trực thuộc được phân bổ cho đơn vị hợp thành;

Trong đó:

*3.2.3.1. Quy định về thuế đối với công ty nước ngoài bị kiểm soát là một hệ thống các quy định (không phải IIR) theo đó cổ đông trực tiếp hoặc gián tiếp của một công ty nước ngoài (công ty nước ngoài bị kiểm soát hay còn gọi là CFC) phải chịu thuế ngay trong năm hiện hành trên một phần hoặc toàn bộ thu nhập mà CFC thu được, bất kể thu nhập đó có được chia ngay cho cổ đông đó hay không.*

*3.2.3.1.* Trường hợp đơn vị hợp thành có chủ sở hữu phải tuân theo Quy định tổng hợp thuế đối với công ty nước ngoài bị kiểm soát (Blended CFC Tax) trong các năm tài chính bắt đầu từ hoặc trước ngày 31/12/2025 nhưng không bao gồm năm tài chính kết thúc sau ngày 30/6/2027, thì thuế đối với chủ sở hữu đơn vị hợp thành theo Quy định tổng hợp thuế đối với công ty nước ngoài bị kiểm soát sẽ được phân bổ theo phương thức cụ thể.

Trong đó, Quy định tổng hợp thuế đối với công ty nước ngoài bị kiểm soát là Quy định về thuế đối với công ty nước ngoài bị kiểm soát yêu cầu cộng dồn thu nhập, lỗ và các khoản giảm trừ thuế của tất cả các đơn vị hợp thành để xác định nghĩa vụ thuế của đối tượng liên quan và có thuế suất áp dụng nhỏ hơn 15%. Theo quy định tại điểm này, Quy định tổng hợp thuế đối với công ty nước ngoài bị kiểm soát không tính đến thu nhập trong nước của một Tập đoàn (mặc dù Quy định tổng hợp thuế đối với công ty nước ngoài bị kiểm soát có thể cho phép lỗ của các đối tượng liên quan trong nước được bù trừ với thu nhập của công ty nước ngoài bị kiểm soát).

3.2.4. Trong trường hợp đơn vị hợp thành là một Công ty lưỡng tính, bất kỳ khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng nào đánh trên thu nhập của Công ty lưỡng tính được ghi nhận tại sổ kế toán của chủ sở hữu đơn vị hợp thành sẽ được phân bổ cho Công ty lưỡng tính đó;

3.2.5. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng trên phần lợi nhuận được chia từ đơn vị hợp thành trong năm tài chính được ghi nhận trên sổ kế toán của các chủ sở hữu trực tiếp đơn vị hợp thành sẽ được phân bổ cho đơn vị hợp thành có lợi nhuận phân chia đó.

Quy định tại khoản này áp dụng đối với thuế thuộc phạm vi áp dụng của Chủ sở hữu đơn vị hợp thành đối với phần thu nhập được xác định là phân bổ khi quyền lợi được phân bổ được xác định là quyền vốn chủ sở hữu theo quy định về thuế của nước đánh thuế và theo quy định về kế toán tài chính.

3.3. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được phân bổ cho một đơn vị hợp thành theo quy định tại khoản 3.2.3 và khoản 3.2.4 Mục này đối với thu nhập gián tiếp được tính vào thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của đơn vị hợp thành đó sẽ bằng khoản nhỏ hơn giữa các khoản sau đây:

3.3.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được phân bổ đối với thu nhập gián tiếp đó;

3.3.2. Kết quả của thu nhập gián tiếp của đơn vị hợp thành bị đánh thuế theo Quy định về thuế đối với công ty nước ngoài trực thuộc hoặc theo Quy định đối với đối tượng không chịu thuế nhân với tỷ lệ thuế bổ sung tại nước của đơn vị hợp thành, được xác định mà không tính đến số thuế được chuyển cho công ty con theo Quy định về thuế đối với công ty nước ngoài bị kiểm soát hoặc Quy định đối với đối tượng không chịu thuế.

Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của chủ sở hữu đơn vị hợp thành phát sinh đối với Thu nhập gián tiếp còn lại sau khi áp dụng khoản này sẽ không được phân bổ theo khoản 3.2.3 và khoản 3.2.4 Mục này.

3.4. Trường hợp thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của cơ sở thường trú được xác định là thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của công ty chính theo quy định tại khoản 2.5 Mục II Phụ lục này, bất kỳ khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng nào phát sinh tại nơi đặt cơ sở thường trú và liên quan đến thu nhập đó được xác định là thuế thuộc phạm vi áp dụng của công ty chính trong giới hạn không vượt quá kết quả từ thu nhập đó nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cao nhất đối với thu nhập thông thường tại nước nơi công ty chính đặt trụ sở.

**4. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh**

Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh thực hiện theo quy định từ khoản 8 đến khoản 11 Mục II Phụ lục này và các quy định dưới đây:

4.1. Các khoản điều chỉnh cộng bao gồm khoản khấu trừ hoặc hoàn thuế liên quan đến khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn và khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể chuyển nhượng theo giá thị trường mà được ghi nhận là khoản giảm trừ chi phí thuế hiện hành.

 4.2. Trường hợp đơn vị trung chuyển là công ty mẹ tối cao của tập đoàn đa quốc gia có thể thực hiện lựa chọn lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Tài sản thuế hoãn lại do lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu sẽ được tính theo quy định từ khoản 10.2 đến khoản 10.7 Mục II Phụ lục này và quy định về lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị trung chuyển sau khi giảm theo quy định tại khoản 7.2 Mục này.

**5. Chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả**

5.1. Trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả, các bên xác định thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được xác định theo quy định tại khoản 14.1 Mục II Phụ lục này.

5.2. Trường hợp việc chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả là một phần của việc Tái cơ cấu theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu thì không áp dụng quy định tại khoản 5.1 nêu trên mà thực hiện như sau:

5.2.1. Đơn vị hợp thành chuyển nhượng (bên bán) sẽ loại trừ bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ từ chuyển nhượng khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

5.2.2. Đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng (bên mua) sẽ xác định thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của công ty đó sau thời điểm mua lại, dựa trên giá trị còn lại ghi sổ của các tài sản và khoản nợ phải trả của đơn vị hợp thành chuyển nhượng (bên bán) tại thời điểm chuyển nhượng.

5.3. Tái cơ cấu theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu là việc chuyển đổi sở hữu, loại hình doanh nghiệp (bao gồm trường hợp đóng góp tài sản vào vốn của một đơn vị hợp thành mà đơn vị hợp thành này không phát hành mới hoặc phát hành thêm Quyền sở hữu tương ứng với phần tài sản góp thêm) hoặc chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả trong các giao dịch như sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, thanh lý hoặc giao dịch tương tự, trong đó:

5.3.1. Toàn bộ hoặc phần lớn tiền trả cho đối tượng chuyển nhượng là lợi ích của chủ sở hữu được phát hành bởi đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng hoặc bởi đối tượng có liên quan đến đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng; trong trường hợp thanh lý là lợi ích của chủ sở hữu của đơn vị hợp thành bị chuyển nhượng hoặc trong trường hợp không có khoản tiền nào được trả cho việc chuyển nhượng vì việc phát hành lợi ích của chủ sở hữu không có ý nghĩa kinh tế;

5.3.2. Một phần hoặc toàn bộ lãi hoặc lỗ từ tài sản của đơn vị hợp thành chuyển nhượng không phải chịu thuế,

5.3.3. Luật thuế của nước nơi đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng cư trú quy định đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng phải tính thu nhập chịu thuế sau khi chuyển nhượng theo giá trị ghi sổ làm cơ sở tính thuế của các tài sản của đơn vị hợp thành, được điều chỉnh theo các Khoản Lãi hoặc Lỗ Không đạt chuẩn khi chuyển nhượng. Lãi hoặc Lỗ Không đạt chuẩn là giá trị nhỏ hơn giữa giá trị các khoản lãi hoặc lỗ của đơn vị hợp thành là bên chuyển nhượng phát sinh liên quan đến việc tái cơ cấu theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phải chịu thuế tại nơi đơn vị hợp thành chuyển nhượng cư trú và giá trị lãi hoặc lỗ kế toán tài chính phát sinh liên quan đến Tái cơ cấu theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

5.4. Trường hợp chuyển nhượng hoặc mua lại tài sản và nợ phải trả là một phần của việc Tái cơ cấu theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mà trong đó một đơn vị hợp thành chuyển nhượng (bên bán) ghi nhận Lãi hoặc Lỗ Không Đạt chuẩn thì không áp dụng khoản 5.1 và khoản 5.2 Mục này, mà thực hiện như sau:

5.4.1. Đơn vị hợp thành chuyển nhượng (bên bán) sẽ tính khoản lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng vào thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tương ứng với khoản lãi hoặc lỗ không đạt chuẩn;

5.4.2. Đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng (bên mua) sẽ xác định thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại thời điểm mua lại theo giá trị còn lại ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả của bên bán tại thời điểm chuyển nhượng, đã được điều chỉnh phù hợp với các quy định thuế tại nội luật để hạch toán các khoản lãi hoặc lỗ không đạt chuẩn.

5.5.Trường hợp một đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia phải điều chỉnh hoặc được phép điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý để tính thuế tại nước nơi đơn vị hợp thành đó cư trú thì theo lựa chọn của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai, đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia đó thực hiện như sau:

5.5.1. Tính khoản lãi hoặc lỗ liên quan đến tài sản và nợ phải trả của đơn vị hợp thành đó khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, bằng khoản chênh lệch giữa giá trị còn lại ghi sổ theo sổ kế toán đối với tài sản hoặc nợ phải trả ngay trước và giá trị hợp lý của tài sản hoặc các khoản nợ phải trả ngay sau ngày phát sinh sự kiện điều chỉnh thuế (sự kiện phát sinh điều chỉnh) trừ đi (hoặc cộng thêm) do lãi (hoặc lỗ) không đạt chuẩn (nếu có) phát sinh liên quan đến sự kiện phát sinh điều chỉnh đó;

5.5.2. Sử dụng giá trị hợp lý của tài sản hoặc các khoản phải trả theo sổ kế toán ngay sau sự kiện phát sinh điều chỉnh để xác định thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các năm tài chính kết thúc sau sự kiện phát sinh điều chỉnh;

5.5.3. Tính các khoản được xác định tại khoản 5.5.1 Mục này vào thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành bằng tổng của các khoản gộp lại được tính vào năm tài chính có phát sinh sự kiện điều chỉnh hoặc tổng các khoản điều chỉnh được phân bổ trong năm (05) năm bao gồm năm tài chính phát sinh sự kiện điều chỉnh và bốn (04) năm tài chính liền kề tiếp theo, trừ trường hợp đơn vị hợp thành rời khỏi tập đoàn đa quốc gia trong thời gian này thì phần chưa phân bổ hết sẽ được tính toàn bộ vào năm tài chính mà đơn vị hợp thành rời khỏi tập đoàn đa quốc gia.

**6. Liên doanh**

6.1. Thuế bổ sung của tập đoàn liên doanh là thuế phân bổ của công ty mẹ tối cao từ phần thuế bổ sung của tất cả các thành viên của tập đoàn liên doanh.

6.2. Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu áp dụng cho một liên doanh và các công ty con của liên doanh cho mỗi năm tài chính như sau:

6.2.1. Liên doanh và các công ty con của liên doanh được xác định là các đơn vị hợp thành của một tập đoàn đa quốc gia riêng biệt và liên doanh được xác định là công ty mẹ tối cao của tập đoàn đa quốc gia đó khi tính khoản thuế bổ sung của liên doanh và các công ty con của liên doanh theo quy định từ tại Điều 7, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định này.

6.2.2. Công ty mẹ nắm giữ quyền sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp trong liên doanh hoặc công ty con của liên doanh sẽ áp dụng IIR đối với phần thuế phân bổ cho công ty mẹ từ thuế bổ sung của một thành viên trong tập đoàn liên doanh theo quy định tại Điều 6, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 7 Nghị định này;

**7. Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển**

7.1. Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính của một đơn vị trung chuyển là công ty mẹ tối cao của tập đoàn đa quốc gia được giảm một khoản bằng thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phân bổ cho phần quyền sở hữu trong công ty nếu thuộc một trong ba trường hợp sau:

7.1.1. Đối tượng nắm giữ quyền sở hữu đó phải khai thuế đối với khoản thu nhập này trong kỳ tính thuế mà kỳ tính thuế đó có thời điểm kết thúc không muộn hơn 12 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính của tập đoàn đa quốc gia và đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

7.1.1.1. Đối tượng nắm giữ quyền sở hữu đó phải chịu thuế đối với toàn bộ thu nhập này theo thuế suất danh nghĩa bằng hoặc cao hơn thuế suất tối thiểu. Thuế suất danh nghĩa là thuế suất theo quy định của pháp luật đối với đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trên phần thu nhập Công ty mẹ tối cao phân bổ cho đối tượng này.

7.1.1.2. Có căn cứ hợp lý để xác định thuế thuộc phạm vi áp dụng đã nộp bởi Công ty mẹ tối cao và các đơn vị khác của một hệ thống các đơn vị không chịu thuế thu nhập và khoản thuế mà đối tượng nắm giữ quyền sở hữu phải nộp đối với thu nhập này bằng hoặc cao hơn giá trị của khoản thu nhập này nhân với thuế suất tối thiểu;

7.1.2. Đối tượng nắm giữ quyền sở hữu công ty mẹ tối cao là cá nhân cư trú phải nộp thuế tại nước của công ty mẹ tối cao (nước nơi công ty mẹ tối cao cư trú) và nắm giữ trực tiếp tổng quyền sở hữu từ 5% trở xuống đối với lợi nhuận và tài sản của công ty mẹ tối cao.

7.1.3 Đối tượng nắm giữ quyền sở hữu công ty mẹ tối cao là tổ chức chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận hoặc quỹ hưu trí và là đối tượng cư trú tại nước có công ty mẹ tối cao nắm giữ tổng quyền sở hữu từ 5% trở xuống đối với lợi nhuận và tài sản của công ty mẹ tối cao.

7.2. Khi tính khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho một năm tài chính, một đơn vị trung chuyển là công ty mẹ tối cao của tập đoàn đa quốc gia sẽ được giảm khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính đó bằng khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tương ứng với phần quyền sở hữu, trừ trường hợp người nắm giữ quyền sở hữu không được phép sử dụng khoản lỗ đó khi tính thu nhập chịu thuế riêng của mình.

7.3. Đơn vị trung chuyển giảm thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định tại khoản 7.1 Mục này thì giảm thuế thuộc phạm vi áp dụng tương ứng.

7.4. Một cơ sở thường trú được áp dụng quy định từ khoản 7.1 đến khoản 7.3 Mục này nếu thuộc một trong hai trường hợp sau:

7.4.1. Đơn vị trung chuyển là công ty mẹ tối cao của một tập đoàn đa quốc gia thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của mình thông qua cơ sở thường trú đó;

7.4.2. Công ty không chịu thuế thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh thông qua cơ sở thường trú đó và công ty không chịu thuế đó được công ty mẹ tối cao sở hữu trực tiếp hoặc thông qua một hệ thống các công ty không chịu thuế.

**8. Công ty mẹ tối cao thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức**

8.1. Cơ chế cho khấu trừ cổ tứclà một cơ chế thuế quy định thuế chỉ đánh đối với chủ sở hữu của tổ chức thông qua việc cho phép phần lợi nhuận chia cho chủ sở hữu được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế của tổ chức. Theo cơ chế cho khấu trừ cổ tức, các khoản cổ tức của tổ chức hợp tác kinh doanh được xác định là lợi nhuận được chia cho chủ sở hữu. Cơ chế cho khấu trừ cổ tức cũng bao gồm cơ chế cho tổ chức hợp tác kinh doanh được miễn thuế thu nhập.

8.2. Tổ chức hợp tác kinh doanh là một tổ chức thay mặt cho các thành viên mua hoặc bán hàng hóa, dịch vụ và phải tuân theo một cơ chế thuế tại nước nơi tổ chức hợp tác kinh doanh cư trú được quy định đảm bảo không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế đối với tài sản hoặc dịch vụ của các thành viên được mua và bán thông qua tổ chức hợp tác này.

8.3. Cổ tức được khấu trừđối với một đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng cơ chế cho khấu trừ cổ tức là:

8.3.1. Phần lợi nhuận được chia cho người nắm giữ quyền sở hữu và phần lợi nhuận này được trừ khỏi thu nhập chịu thuế của đơn vị hợp thành theo luật tại nước tổ chức đó cư trú;

8.3.2. Khoản cổ tức chia cho thành viên của tổ chức hợp tác kinh doanh.

8.4. Khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho một năm tài chính, công ty mẹ tối cao được áp dụng cơ chế cho khấu trừ cổ tức sẽ được giảm trừ thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính đó bằng khoản tương đương cổ tức được khấu trừ được chia trong vòng 12 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính (nhưng kết quả sau khi giảm trừ không nhỏ hơn 0 (không)) nếu thuộc một trong ba trường hợp sau:

8.4.1. Khoản cổ tức đó phải chịu thuế bởi đối tượng nhận cổ tức trong kỳ tính thuế mà kỳ tính thuế đó có thời điểm kết thúc không muộn hơn 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính của công ty mẹ tối cao và đảm bảo một trong các điều kiện sau:

8.4.1.1. Đối tượng nhận cổ tức phải chịu thuế đối với cổ tức đó theo thuế suất danh nghĩa bằng hoặc lớn hơn thuế suất tối thiểu;

8.4.1.2. Có căn cứ hợp lý để xác định tổng của các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã nộp bởi công ty mẹ tối cao và khoản thuế do đối tượng nhận cổ tức phải nộp đối với khoản cổ tức đó bằng hoặc lớn hơn giá trị của toàn bộ thu nhập này nhân với thuế suất tối thiểu;

8.4.1.3. Đối tượng nhận cổ tức là một cá nhân và cổ tức là cổ tức hội viên nhận được thông qua một tổ chức hợp tác kinh doanh là bên cung ứng;

8.4.2. Đối tượng nhận cổ tức là cá nhân cư trú phải nộp thuế tại nước của công ty mẹ tối cao và nắm giữ tổng quyền sở hữu từ 5% trở xuống đối với lợi nhuận và tài sản của công ty mẹ tối cao.

8.4.3. Đối tượng nhận cổ tức là đối tượng cư trú phải nộp thuế tại nước của công ty mẹ tối cao và là tổ chức chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận hoặc quỹ hưu trí không phải là tổ chức dịch vụ hưu trí.

8.5. Công ty mẹ tối cao khi thực hiện giảm trừ thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo khoản 8.4 Mục này thì giảm thuế thuộc phạm vi áp dụng theo tỷ lệ (trừ các khoản thuế được phép khấu trừ cổ tức), bao gồm thuế áp dụng trên lợi nhuận để lại và vốn chủ sở hữu, đồng thời giảm thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu bằng một khoản tương ứng .

8.6. Nếu công ty mẹ tối cao nắm giữ quyền sở hữu trong một đơn vị hợp thành khác đang thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức (trực tiếp hoặc thông qua một chuỗi các đơn vị hợp thành cũng thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức) thì khoản 8.4 và khoản 8.5 Mục này sẽ áp dụng cho từng đơn vị hợp thành tại nước của công ty mẹ tối cao tuân theo cơ chế cho khấu trừ cổ tức trong phạm vi thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được công ty mẹ tối cao phân phối thêm cho những đối tượng nhận cổ tức mà đáp ứng các điều kiện của theo quy định tại khoản 8.4 Mục này.

8.7. Cổ tức hội viên nhận được từ một tổ chức hợp tác là bên cung cấp sẽ phải chịu thuế khi phần cổ tức này làm giảm một khoản chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế của hội viên nhận cổ tức. Quy định này áp dụng với tất cả hội viên nhận cổ tức, trừ hội viên là cá nhân.

## 9. Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập hợp lệ

*9.1.Quy định thuế đối với phân chia thu nhập hợp lệ là quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp đảm bảo các điều kiện sau:*

*9.1.1.Thu nhập của công ty chỉ phải chịu thuế khi công ty đó phân phối lợi nhuận cho các cổ đông hoặc khi công ty được xem là đã phân chia lợi nhuận cho các cổ đông hoặc khi công ty có phát sinh các khoản chi phí không liên quan đến hoạt động kinh doanh;*

*9.1.2.Thuế suất được áp dụng bằng hoặc cao hơn thuế suất tối thiểu;*

*Trường hợp nước của công ty phân phối lợi nhuận áp dụng thuế suất danh nghĩa nhưng có quy định trước khi áp dụng thuế suất danh nghĩa, phải cộng số thuế của các khoản lợi nhuận được phân phối để phản ánh thu nhập gộp trước thuế thì thuế suất theo quy định là thuế suất sau khi áp dụng cộng gộp.*

*9.1.3. Các quy định này có hiệu lực vào hoặc trước ngày 1 tháng 7 năm 2021.*

9.2. Thuế đối với phân chia thu nhập hợp lệ không bao gồm khoản thuế công ty phải chịu đối với lợi nhuận được phân phối mặc dù các khoản thuế này được công ty phân phối lợi nhuận giữ lại và khấu trừ.

9.3. Trường hợp đơn vị hợp thành phải tuân theo Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập hợp lệ, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể thực hiện lựa chọn theo quy định về lựa chọn hằng năm để cộng thêm một khoản thuế đối với các khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia theo quy định tại khoản 9.4 Mục này vào thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong năm tài chính. Việc lựa chọn theo khoản này được áp dụng cho tất cả các đơn vị hợp thành tại một nước.

9.4. Thuế đối với các khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia sẽ bằng một trong hai khoản sau nếu khoản nào có giá trị nhỏ hơn:

9.4.1. Khoản cần phải tăng thêm để thuế suất thực tế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định này tại một nước trong năm tài chính bằng mức thuế suất tối thiểu;

9.4.2. Khoản thuế đối với khoản được phân chia sẽ phải trả nếu các đơn vị hợp thành cư trú tại nước đó thực hiện phân chia tất cả thu nhập tuân theo Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập hợp lệ trong năm đó.

9.5. Khi lựa chọn thực hiện theo quy định tại khoản 9.3 Mục này cho mỗi năm tài chính, sẽ phải lập một tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia. Khoản thuế đối với các khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia xác định theo quy định tại khoản 9.4 Mục này tại một nước được ghi tăng vào tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia trong năm tài chính mà tài khoản đó được lập. Vào cuối mỗi năm tài chính tiếp theo, số dư của các tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia đã được lập cho các năm tài chính trước đó thì được ghi giảm lần lượt theo thứ tự các khoản dưới đây với điều kiện giá trị sau khi giảm không nhỏ hơn 0 (không):

9.5.1. Thứ nhất, khoản thuế đã nộp của các đơn vị hợp thành trong năm tài chính đối với thu nhập thực tế đã phân chia hoặc được xác định là đã phân chia;

9.5.2. Thứ hai, khoản tiền được tính bằng lỗ ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của nước đó nhân với thuế suất tối thiểu;

9.5.3. Thứ ba, khoản chuyển lỗ thu hồi áp dụng trong năm tài chính hiện tại theo quy định tại khoản này.

9.6. Khoản chuyển lỗ thu hồi được lập cho một nước khi khoản tiền được quy định tại khoản 9.5.2 Mục này vượt quá số dư của tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia. Khoản chuyển lỗ thu hồi sẽ bằng số vượt quá đó và được tính vào các năm tài chính tiếp theo như một khoản giảm trừ đối với tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia trong các năm tài chính đó. Khi khoản này được tính vào năm tài chính tiếp theo, khoản chuyển lỗ thu hồi phải được giảm đúng bằng số tương ứng.

 9.7. Vào ngày cuối cùng của năm tài chính thứ tư kể từ năm tài chính mà tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia được lập, nếu vẫn còn số dư trên tài khoản (được xác định theo quy định tại khoản 9.5 Mục này), thì thuế suất thực tế và thuế bổ sung của năm tài chính mà tài khoản đó được lập phải được tính lại theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định này. Khi đó, số dư của tài khoản này được giảm trừ vào các thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh được xác định tại năm tài chính.

9.8. Các khoản thuế đã nộp trong năm tài chính liên quan đến các khoản thu nhập phân chia thực tế hoặc được xác định là đã phân chia không được cộng vào các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong trường hợp các khoản thuế này đã được ghi giảm vào tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia theo quy định tại khoản 9.5 Mục này.

9.9. Trong năm tài chính mà một đơn vị thuộc đối tượng lựa chọn theo quy định tại khoản 9.4 nêu trên và rời khởi tập đoàn đa quốc gia hoặc chuyển nhượng hầu hết tất cả tài sản của mình cho một đối tượng không phải là đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia đó tại cùngmột nước, thì thuế suất thực tế, thuế bổ sung của Tập đoàn và thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành được xác định như sau:

 9.9.1. Đối với mỗi năm tài chính trước năm tài chính mà đơn vị không còn là thành viên của Tập đoàn, trường hợp trên tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia của tập đoàn tại nước đó được lập cho năm liên quan vẫn còn số dư thì thuế suất thực tế và thuế bổ sung của năm lập tài khoản sẽ được tính lại theo các nguyên tắc quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định này. Khi đó số dư của tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia được giảm trừ vào khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh đã được xác định cho từng năm tài chính liên quan;

9.9.2. Số tiền thuế bổ sung tăng thêm do tính lại sẽ được nhân với tỷ lệ thanh lý Thu hồi để xác định thuế bổ sung được điều chỉnh của năm hiện hành.

Sau khi áp dụng quy định tại khoản này, tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia, thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh, giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đối với các năm tài chính có tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia sẽ phải giảm theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thanh lý thu hồi.

9.10. Tỷ lệ thanh lý thu hồi được xác định cho mỗi đơn vị không còn là thành viên được xác định theo công thức sau:

$$Tỷ lệ thanh lý thu hồi= \frac{Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành}{Thu nhập ròng tại một nước}$$

Trong đó:

9.10.1 Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành là tổng thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị không còn là thành viên được xác định theo quy định tại điểm c.1 khoản 1 Điều 7 Nghị định này cho mỗi năm tài chính tương ứng với Tài khoản Thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia tại một nước;

9.10.2. Thu nhập ròng tại một nước là tổng thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước cho mỗi năm tài chính tương ứng với tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia tại nước đó.

## 10. Tính thuế suất thực tế đối với các đơn vị đầu tư

10.1. Đơn vị đầu tư là:

10.1.1. Một quỹ đầu tư, một đơn vị đầu tư bất động sản hoặc một đơn vị đầu tư bảo hiểm;

10.1.2. Một đơn vị có ít nhất 95% giá trị của đơn vị đó thuộc sở hữu trực tiếp bởi một đơn vị được quy định tại khoản 10.1.1 Mục này hoặc thông qua một hệ thống các quỹ đầu tư, tổ chức đầu tư bất động sản đó và đơn vị này hoạt động chủ yếu hoặc gần như chủ yếu để nắm giữ tài sản hoặc đầu tư vốn phục vụ lợi ích của các đơn vị đầu tư đó;

10.1.3. Một đơn vị có ít nhất 85% giá trị của đơn vị đó thuộc sở hữu bởi một đơn vị được quy định tại khoản 10.1.1 Mục này với điều kiện là tất cả thu nhập của đơn vị là cổ tức được loại trừ hoặc là các khoản lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ khi tính toán thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định tại khoản 4.1.2 hoặc khoản 4.1.3 Mục II Phụ lục này.

10.2. Quỹ đầu tư là quỹ đáp ứng tất cả các tiêu chí sau đây:

10.2.1. Được thành lập để tập hợp các tài sản (có thể là tài sản tài chính và tài sản phi tài chính) từ một số nhà đầu tư (trong đó phải có một số nhà đầu tư không có mối quan hệ liên kết);

10.2.2. Đầu tư theo một chính sách đầu tư xác định trước;

10.2.3. Cho phép các nhà đầu tư giảm chi phí giao dịch, nghiên cứu và phân tích, hoặc phân tán rủi ro chung;

10.2.4. Được thiết lập chủ yếu để tạo ra thu nhập hoặc lợi nhuận đầu tư hoặc nhằm phòng ngừa một sự kiện, một kết quả chung hoặc cụ thể;

10.2.5. Nhà đầu tư có quyền thu hồi vốn từ tài sản của quỹ hoặc được hưởng thu nhập phát sinh từ các tài sản đó, dựa trên phần đóng góp của các nhà đầu tư đó;

10.2.6. Đơn vị hoặc ban quản lý của đơn vị phải chịu điều chỉnh bởi quy định của pháp luật của nước nơi đơn vị được thành lập hoặc quản lý (bao gồm quy định liên quan về chống rửa tiền và bảo hộ nhà đầu tư);

10.2.7. Được quản lý bởi các nhà quản lý quỹ đầu tư chuyên nghiệp, thay mặt cho các nhà đầu tư.

10.3. Đơn vị đầu tư bảo hiểm là một đơn vị đáp ứng các quy định về quỹ đầu tư hoặc là tổ chức đầu tư bất động sản, được thành lập có liên quan đến các khoản nợ theo hợp đồng bảo hiểm hoặc hợp đồng niên kim và đơn vị này thuộc sở hữu của một đơn vị được xác định là công ty bảo hiểm theo các quy định tại nước nơi đơn vị sở hữu cư trú (bao gồm cả trường hợp đơn vị đầu tư bảo hiểm được sở hữu bởi một đơn vị trung chuyển được xác định là công ty bảo hiểm theo quy định). Một đơn vị đầu tư bảo hiểm có thể được sở hữu toàn bộ bởi một đơn vị hoặc bởi một số đơn vị cùng thuộc một tập đoàn đa quốc gia . đơn vị đầu tư bảo hiểm được loại trừ khỏi quy định về xác định công ty mẹ trung gian và công ty mẹ.

10.4. Tổ chức đầu tư bất động sản là một tổ chức nắm giữ tài sản chủ yếu là bất động sản và tổ chức này thuộc sở hữu của nhiều nhà đầu tư. Tổ chức đầu bất động sản có thu nhập chỉ bị đánh thuế một lần với tính chất là thu nhập của tổ chức đầu tư bất động sản hoặc là thu nhập được chia cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu tổ chức đầu tư bất động sản đó (chậm nhất trong vòng một năm tiếp theo). Trường hợp đối tượng nắm giữ quyền sở hữu là một đơn vị không có nghĩa vụ thuế thì điều kiện chỉ bị đánh thuế một lần không được áp dụng vào năm mà thu nhập phân bổ cho nhà đầu tư được miễn thuế, tuy nhiên vẫn đáp ứng quy định về Tổ chức đầu tư bất động sản.

10.5. Đơn vị hợp thành là đơn vị đầu tư phải xác định thuế suất thực tế theo quy định tại khoản này, trừ các đơn vị đầu tư là các Đơn vị không chịu thuế thu nhập hoặc đối tượng được lựa chọn quy định tại khoản 10 hoặc khoản 11 Mục này.

10.6. Thuế suất thực tế của một đơn vị đầu tư là một đơn vị hợp thành của một tập đoàn sẽ được tính riêng khi tính thuế suất thực tế theo tập đoàn tại quốc gia nơi đơn vị đầu tư đó cư trú. Thuế suất thực tế cho mỗi đơn vị đầu tư được xác định bằng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của đơn vị đầu tư chia cho phần thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư này được tính theo quy định tại điểm c.1 khoản 1 Điều 7 Nghị định này phân bổ cho tập đoàn đa quốc gia. Trường hợp có nhiều hơn một đơn vị đầu tư tại một nước, thuế suất thực tế của tất cả các đơn vị đầu tư tại nước đó được xác định bằng tổng thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh và phần thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của mỗi đơn vị đầu tư được phân bổ cho tập đoàn đa quốc gia.

10.7. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của đơn vị đầu tư được xác định bằng tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh được xác định cho đơn vị đầu tư theo quy định tại điểm b.2 khoản 1 Điều 7 Nghị định này tương ứng với phần thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư phân bổ cho tập đoàn đa quốc gia và các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được phân bổ cho đơn vị đầu tư theo quy định tại khoản 3 Mục này. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của đơn vị đầu tư không bao gồm bất kỳ khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng nào của đơn vị đầu tư tính trên khoản thu nhập không phải là phần thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư được phân bổ cho tập đoàn đa quốc gia.

10.8. Phần thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư phân bổ cho tập đoàn đa quốc gia được xác định bằng phần phân bổ từ thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư cho công ty mẹ tối cao theo các quy định về tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ đối với đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp trong năm tài chính, chỉ căn cứ trên quyền sở hữu mà không phải thực hiện việc lựa chọn theo quy định tại khoản 10 hoặc khoản 11 Mục này.

10.9. Thuế bổ sung của đơn vị hợp thành là đơn vị đầu tư được xác định bằng tỷ lệ thuế bổ sung của đơn vị đầu tư nhân với phần thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư sau khi đã trừ đi Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư. Tỷ lệ thuế bổ sung của một đơn vị đầu tư sẽ là tỷ lệ phần trăm chênh lệch dương giữa thuế suất tối thiểu và thuế suất thực tế của đơn vị đầu tư. Trường hợp có nhiều đơn vị đầu tư cư trú tại một nước, tỷ lệ thuế bổ sung của tất cả các đơn vị đầu tư được xác định bằng tổng phần thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư và các khoản giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được xác định cho từng đơn vị đầu tư đó.

10.10. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu một đơn vị đầu tư được xác định theo quy định tại điểm c.2 khoản 1 Điều 7 Nghị định này và không áp dụng quy định loại trừ tại đối với đơn vị đầu tư, được chỉ tính đối với tài sản hữu hình hợp lệ và chi phí tiền lương hợp lệ trả cho các người làm công hợp lệ của các đơn vị đầu tư.

## 11. Lựa chọn đơn vị đầu tư không chịu thuế thu nhập

11.1. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể lựa chọn xác định một đơn vị hợp thành là đơn vị đầu tư hoặc đơn vị đầu tư bảo hiểm là đơn vị không chịu thuế thu nhập trong trường hợp nước cư trú của chủ sở hữu của đơn vị đầu tư hoặc đơn vị đầu tư bảo hiểm đó quy định chủ sở hữu này phải chịu thuế đối với phần chênh lệch đánh giá lại hàng năm giá trị hợp lý của quyền sở hữu theo cơ chế điều chỉnh theo giá thị trường hoặc cơ chế tương tự và thuế suất áp dụng đối với thu nhập của chủ sở hữu này bằng hoặc lớn hơn thuế suất tối thiểu.

11.2. Một đơn vị bảo hiểm tương hỗ cũng có quyền lựa chọn theo quy định tại khoản 11.1 Mục này đối với các đơn vị đầu tư và đơn vị đầu tư bảo hiểm mà đơn vị bảo hiểm tương hỗ này kiểm soát.

11.3. Một đơn vị hợp thành gián tiếp sở hữu một đơn vị đầu tư hoặc đơn vị đầu tư bảo hiểm thông qua quyền sở hữu trực tiếp trong một đơn vị đầu tư hoặc đơn vị đầu tư bảo hiểm khác, nếu đơn vị hợp thành phải tuân theo một cơ chế điều chỉnh theo thị trường hoặc cơ chế tương tự đối với quyền sở hữu trực tiếp trong đơn vị đầu tư hoặc đơn vị đầu tư bảo hiểm thì đơn vị hợp thành sẽ được xác định là phải chịu thuế theo cơ chế điều chỉnh theo giá thị trường hoặc cơ chế tương tự đối với quyền sở hữu gián tiếp trong đơn vị đầu tư hoặc đơn vị đầu tư bảo hiểm.

11.4. Lựa chọn theo khoản này áp dụng theo quy định về lựa chọn 5 năm. Nếu việc lựa chọn bị chấm dứt, lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý tài sản hoặc các khoản nợ phải trả do đơn vị đầu tư nắm giữ được xác định dựa trên giá trị hợp lý của tài sản hoặc nợ phải trả vào ngày đầu tiên của năm chấm dứt việc lựa chọn đó.

## 12. Lựa chọn phương pháp áp dụng quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập

12.1. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể lựa chọn chủ sở hữu đơn vị hợp thành mà chủ sở hữu đó không phải là đơn vị đầu tư có thể áp dụng quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập đối với quyền sở hữu trong đơn vị hợp thành là đơn vị đầu tư nếu có căn cứ hợp lý để xác định chủ sở hữu đơn vị hợp thành phải chịu thuế đối với các khoản phân chia thu nhập từ đơn vị đầu tư với thuế suất bằng hoặc lớn hơn thuế suất tối thiểu.

12.2. Phương pháp áp dụng quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập như sau:

12.2.1. Các khoản phân chia và các khoản được xác định là đã phân chia từ thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư theo quy định thuế tại nước mà chủ sở hữu cư trú được tính vào thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của chủ sở hữu đơn vị hợp thành đã thực nhận khoản phân chia đó (chủ sở hữu đó không phải là đơn vị đầu tư);

12.2.2. Tổng số thuế gộp được khấu trừ nội địa được tính vào trong thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của chủ sở hữu đơn vị hợp thành đã thực nhận khoản phân chia đó (chủ sở hữu đó không phải là đơn vị đầu tư);

12.2.3. Phần thu nhập theo tỷ lệ của chủ sở hữu đơn vị hợp thành trong thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia của đơn vị đầu tư trong năm xem xét được xác định là thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư trong năm tài chính báo cáo. Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu quy định tại khoản này nhân với thuế suất tối thiểu được xác định là thuế bổ sung của một đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp trong năm tài chính theo quy định tại Điều 6, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

12.2.4. Thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư trong năm tài chính và bất kỳ khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh liên quan đến thu nhập đó đều được loại trừ khi tính thuế suất thực tế theo quy định tại Điều 7 Nghị định này, khoản 10.6, khoản 10.7 và khoản 10.8 Mục này, trừ trường hợp thuộc quy định tại khoản 12.2.2 Mục này.

12.3. Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia của một năm tài chính là khoản thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư (nếu có) trong năm xem xét trừ đi các khoản sau, với điều kiện giá trị sau khi trừ không nhỏ hơn 0 (không):

12.3.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị đầu tư;

12.3.2. Các khoản phân chia và các khoản được xác định là đã phân chia cho các cổ đông không phải là đơn vị hợp thành mà đơn vị hợp thành này là đơn vị đầu tư trong giai đoạn xem xét;

12.3.3. Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phát sinh trong giai đoạn xem xét;

12.3.4. Khoản lỗ đầu tư được chuyển.

12.4. Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia cho năm xem xét không được giảm trừ bởi các khoản phân chia hoặc các khoản được xác định là đã phân chia nếu các khoản phân chia đó đã được xác định là khoản giảm trừ thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia của năm xem xét trước đó. Khi tính thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia, khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được ghi giảm phần lỗ đã được sử dụng làm giảm thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia vào cuối năm tài chính trước. Nếu khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho một năm tài chính chưa giảm về 0 (không) trước khi kết thúc giai đoạn xem xét cuối cùng có năm tài chính đó, phần lỗ còn lại sẽ trở thành khoản lỗ đầu tư được chuyển tiếp và được giảm trừ theo cách tương tự như khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong các năm tài chính tiếp theo.

12.5. Năm xem xét, giai đoạn xem xét, khoản được xác định là đã phân chia, và tổng số thuế gộp được khấu trừ nội địa được xác định như sau:

12.5.1. Năm xem xét là năm thứ ba trước năm tài chính báo cáo;

12.5.2. Giai đoạn xem xét là giai đoạn bắt đầu từ ngày đầu tiên của năm xem xét và kết thúc vào ngày cuối cùng của năm tài chính báo cáo, đồng thời là năm thứ ba trước năm tài chính báo cáo mà một đơn vị trong tập đoàn nắm giữ quyền sở hữu;

12.5.3. Khoản được xác định là đã phân chia phát sinh khi quyền sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp trong đơn vị đầu tư được chuyển nhượng cho một tổ chức không thuộc tập đoàn và bằng thu nhập được chia theo tỷ lệ từ phần thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia tương ứng của quyền sở hữu vào ngày chuyển nhượng (không bao gồm khoản được xác định là đã phân chia);

12.5.4. Tổng số thuế gộp được khấu trừ nội địa là khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị đầu tư được phép giảm trừ vào nghĩa vụ thuế của chủ sở hữu đơn vị hợp thành liên quan đến việc phân chia lợi nhuận của đơn vị đầu tư.

12.6. Lựa chọn theo khoản 12 Mục này áp dụng theo quy định về lựa chọn 5 năm. Nếu việc lựa chọn bị chấm dứt, phần thu nhập tương ứng của chủ sở hữu đơn vị hợp thành trong thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia của đơn vị đầu tư cho năm xem xét vào cuối năm tài chính trước năm chấm dứt lựa chọn được xác định là thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư cho năm chấm dứt việc lựa chọn và một khoản thuế bổ sung đối với một đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp sẽ được xác định là phát sinh bằng việc nhân thuế suất tối thiểu với khoản thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đó trong năm chấm dứt theo quy định tại Điều 6, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

**13. Trường hợp các đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số**

Việc tính thuế suất thực tế và thuế bổ sung tại một nước đối với trường hợp các đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số thực thiện theo quy định tại khoản 12 Mục II Phụ lục này.

**14. Quy định đối với các đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi tập đoàn đa quốc gia**

Trường hợp đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi tập đoàn đa quốc gia thực hiện theo quy định tại khoản 13 Mục II Phụ lục này.

**15. Tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ**

Trường hợp Tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ thực hiện theo quy định tại khoản 16 Mục II Phụ lục này.

**IV. CÁCH XỬ LÝ CÁC KHOẢN THUẾ TRONG THỜI GIAN CHUYỂN TIẾP**

**1. Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả**

1.1. Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả theo quy định bao gồm các khoản lỗ chưa được ghi nhận do điều chỉnh ghi nhận kế toán, dự phòng giảm giá hoặc do không đáp ứng các điều kiện để ghi nhận.

1.2. Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả phải được tính theo mức thuế suất thấp hơn giữa thuế suất tối thiểu và thuế suất trong nước áp dụng cho đơn vị đó.

1.3. Tài sản thuế hoãn lại được xác định bằng tài sản thuế hoãn lại được trích trước trong sổ kế toán nếu thuế suất áp dụng để xác định tài sản thuế hoãn lại đó thấp hơn thuế suất tối thiểu, hoặc trong bất kỳ trường hợp nào khác, tài sản thuế hoãn lại được xác định như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tài sản thuế hoãn lại | = | Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận trong sổ kế toán | x | Thuế suất tối thiểu |
| Thuế suất trong nước áp dụng cho đơn vị đó |

1.4. Tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận theo thuế suất thấp hơn thuế suất tối thiểu có thể được tính theo thuế suất tối thiểu nếu người nộp thuế có thể chứng minh rằng tài sản thuế hoãn lại có liên quan đến khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Tài sản thuế hoãn lại không tính đến ảnh hưởng của các điều chỉnh do đánh giá hoặc do ghi nhận kế toán.

1.5. Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả không được điều chỉnh theo quy định về chi phí thuế hoãn lại theo quy định từ khoản 9.1.1 đến khoản 9.1.4 và khoản 9.4 Mục II Phụ lục II, trừ trường hợp áp dụng quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ các khoản mục bị loại trừ khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phải được loại trừ khỏi công thức tính quy định tại khoản 1 Mục này nếu tài sản thuế hoãn lại đó được hình thành từ một giao dịch diễn ra sau ngày 30 tháng 11 năm 2021.

3. Các loại trừ theo quy định tại khoản 1 Mục này bao gồm khoản tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ các khoản mục bị loại trừ khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu do các khoản mục bị loại trừ này là chi phí không được trừ theo quy định kế toán, như chi phí khấu hao vượt quá chi phí thực tế.

4. Trong trường hợp chuyển nhượng tài sản giữa các đơn vị hợp thành (bao gồm trường hợp chuyển nhượng tài sản trong một nước, trường hợp chuyển nhượng tài sản xuyên biên giới, trường hợp chuyển nhượng hoặc được xác định là chuyển nhượng tài sản trong một đơn vị) sau ngày 30 tháng 11 năm 2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp, giá trị tài sản chuyển giao (trừ hàng tồn kho) được căn cứ vào giá trị ghi sổ còn lại của tài sản tại thời điểm chuyển giao của đơn vị chuyển giao tài sản và tài sản thuế hoãn lại, thuế hoãn lại phải trả theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cũng được căn cứ vào giá trị ghi sổ còn lại đó.

Trong đó:

4.1. Năm chuyển tiếp đối với đơn vị hợp thành bán tài sản là năm đầu tiên thu nhập chịu thuế suất thấp của đơn vị hợp thành phải áp dụng Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, hoặc năm mà đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng QDMTT, không phụ thuộc vào việc các đơn vị hợp thành khác trong nước có thuộc đối tượng áp dụng Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu hay không.

4.2. Giá trị ghi sổ còn lại là giá trị ghi sổ còn lại của tài sản được chuyển giao vào ngày thực hiện chuyển giao, sau khi điều chỉnh chi phí vốn và khấu hao sau khi chuyển giao và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp.

5. Đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng tài sản có thể ghi nhận một tài sản thuế hoãn lại là tổng của hai giá trị sau:

5.1. Số thuế bên chuyển nhượng tài sản đã nộp đối với giao dịch chuyển nhượng.

5.2. Tài sản thuế hoãn lại tương đương với giá trị tài sản thuế hoãn lại xác định theo khoản 1 Mục này nếu thi nhập chịu thuế của đơn vị hợp thành chuyển nhượng tài sản không bao gồm khoản thu nhập từ chuyển nhượng tài sản này.

6. Trường hợp đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng ghi nhận tài sản mua lại trên sổ kế toán theo giá hợp lý thì đơn vị này có thể sử dụng giá trị còn lại ghi sổ được ghi nhận trên sổ kế toán để xác định thuế bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho tất cả các năm tiếp theo nếu đơn vị hợp thành đó trong trường hợp không sử dụng giá trị còn lại ghi sổ của tài sản trên sổ kế toán cho việc xác định thuế bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, thì có quyền ghi nhận tài sản thuế hoãn lại bằng giá trị của thuế suất tối thiểu nhân với (x) chênh lệch giữa giá trị ghi sổ làm cơ sở tính thuế của tài sản và giá trị còn lại ghi sổ xác định theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại khoản 4 Mục này.

7. Trường hợp một đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng QDMTT tại Việt Nam trước khi thuộc đối tượng áp dụng IIR tại nước của công ty mẹ thì:

7.1. Phần chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định này và khoản 8.5 Mục II Phụ lục II sẽ được loại trừ khi bắt đầu năm chuyển tiếp mới;

7.2. Quy định tại khoản 9.4 Mục II Phụ lục II không áp dụng đối với khoản thuế hoãn lại phải trả đã được dùng để tính thuế suất thực tế theo QDMTT và không được thu hồi trước năm chuyển tiếp mới. Quy định tại khoản 9.4 Mục II Phụ lục II chỉ áp dụng đối với khoản thuế hoãn lại phải trả phát sinh trong và sau năm chuyển tiếp mới.

7.3. Tài sản thuế hoãn lại do lỗ phát sinh vào năm trước năm chuyển tiếp mới theo quy định tại khoản 10 Mục II Phụ lục II sẽ bị loại trừ. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể lựa chọn áp dụng quy định tại khoản 10 Mục II Phụ lục II từ năm chuyển tiếp mới.

7.4. Khoản tài sản thuế hoãn lại và khoản thuế hoãn lại phải trả được xác định trước năm chuyển tiếp mới sẽ bị loại trừ. Khoản 3 Điều này được áp dụng khi bắt đầu năm chuyển tiếp mới.

7.5. Trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn phát sinh theo quy định tại khoản 8.5 Mục II Phụ lục II liên quan đến tài sản thuế hoãn lại phát sinh do lỗ thuế thì khoản tài sản thuế hoãn lại đó không được xác định là phát sinh từ các khoản mục bị loại trừ khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

**V. CÁCH XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ ĐỂ ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN GIẢM TRỪ TRÁCH NHIỆM**

1. Tổng doanh thu là tổng doanh thu của tập đoàn đa quốc gia tại một nước trên Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn.

2. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp là lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp tại một nước trên Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn;

3. Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn là báo cáo lợi nhuận liên quốc gia được lập và nộp bằng cách sử dụng Báo cáo tài chính đạt chuẩn.

Trường hợp một tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu nhưng không phải nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo quy định thì tập đoàn đa quốc gia đó đủ điều kiện áp dụng giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia nếu tập đoàn đa quốc gia hoàn thành mục 2.2.1.3(a) trên Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, sử dụng dữ liệu về tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ Báo cáo tài chính đạt chuẩn.

 4. Thuế suất thực tế được đơn giản hóa được xác định theo công thức sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thuế suất thực tế được đơn giản hóa | = | Các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được đơn giản hóa |
| Lợi nhuận hoặc lỗ trước thuế thu nhập được báo cáo tại Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn của tập đoàn đa quốc gia |

5. *Báo cáo tài chính đạt chuẩn* là:

5.1. Các sổ kế toán được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao. Trong một số trường hợp, đơn vị hợp thành có thể sử dụng sổ kế toán đã bao gồm các khoản điều chỉnh liên quan đến kế toán theo giá mua khi tính thu nhập hoặc lỗ trước thuế.

5.2. Báo cáo tài chính riêng của từng đơn vị hợp thành với điều kiện các báo cáo này được lập theo chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng trong trường hợp sổ kế toán của đơn vị hợp thành được lập theo chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng và thông tin trên sổ kế toán là đáng tin cậy;

5.3. Trường hợp một đơn vị hợp thành không được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn đa quốc gia trên cơ sở cộng từng chỉ tiêu do quy mô hoặc yếu tố trọng yếu, thì Báo cáo tài chính đạt chuẩn là sổ kế toán của công ty thành viên đó sử dụng để lập báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của tập đoàn đa quốc gia).

6. Báo cáo tài chính đạt chuẩn phải đáp ứng yêu cầu về việc sử dụng chính xác và thống nhất dữ liệu.

7. Trường hợp một cơ sở thường trú không có Báo cáo tài chính đạt chuẩn, tập đoàn đa quốc gia có thể xác định phần tỷ lệ tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty chính được phân bổ cho cơ sở thường trú bằng sử dụng Báo cáo tài chính riêng Công ty chính đã lập cho cơ sở thường trú phục vụ nhu cầu Báo cáo tài chính, thực hiện theo quy định của pháp luật, báo cáo thuế hoặc quản lý nội bộ. Nếu một khoản lỗ phát sinh từ cơ sở thường trú được phân bổ cho cơ sở thường trú đó thì phải thực hiện điều chỉnh lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng của công ty chính để khoản lỗ không bị đánh thuế hai lần.

8. *Các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được đơn giản hóa* là chi phí thuế thu nhập tại một nước được báo cáo trên Báo cáo tài chính đạt chuẩn của tập đoàn đa quốc gia, sau khi loại bỏ bất kỳ khoản thuế nào không phải là khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh và các khoản thuế liên quan đến nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh) trong Báo cáo tài chính đạt chuẩn của tập đoàn đa quốc gia.

9. Trường hợp có Thỏa thuận chênh lệch giá lưỡng tính được thực hiện sau ngày 15 tháng 12 năm 2022 thì phải thực hiện điều chỉnh Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

10. Lỗ ròng từ đánh giá lại theo giá trị hợp lý chưa thực hiện nếu vượt quá 50 triệu EUR tại một nước được loại trừ khỏi lợi nhuận hoặc lỗ trước thuế thu nhập. Lỗ ròng từ đánh giá lại theo giá trị hợp lý chưa thực hiện là tổng các khoản lỗ, trừ đi các khoản lãi, phát sinh do thay đổi giá trị hợp lý của quyền sở hữu (trừ trường hợp sở hữu đối với quyền sở hữu đầu tư gián tiếp).

11. Đơn vị hợp thành không trọng yếu, là đơn vị, và các cơ sở thường trú của đơn vị đó, mà không được hợp nhất trên cơ sở cộng từng chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao căn cứ theo quy mô hoặc yếu tố trọng yếu, các đơn vị này được xác định là đơn vị hợp thành theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 107/2023/QH15 với các điều kiện sau:

11.1. Báo cáo tài chính hợp nhất là các báo cáo theo quy định từ điểm a đến điểm c khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 107/2023/QH15;

11.2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán độc lập;

11.3. Trường hợp đơn vị có tổng doanh thu vượt quá 50 triệu EUR thì sổ kế toán sử dụng để lập Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia phải tuân theo chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc một chuẩn mực kế toán tài chính được phép sử dụng.

12. Áp dụng phương pháp tính toán giản đơn cho đơn vị hợp thành không trọng yếu là việc sử dụng các chỉ tiêu theo Quy định liên quan về báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (tổng doanh thu và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành) thay thế cho các chỉ tiêu theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (thu nhập, doanh thu, thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh) để xác định việc đáp ứng các tiêu chí giảm trừ trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này.

13. Quy định liên quan về Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia là quy định của nước công ty mẹ tối cao hoặc nước của công ty mẹ nộp báo cáo lợi nhuận liên quốc gia thay công ty mẹ tối cao. Nếu nước của công ty mẹ tối cao không có quy định về Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia hoặc một tập đoàn đa quốc gia không phải nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia ở bất kỳ nước nào thì Quy định liên quan về Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia được thực hiện theo chuẩn mực chung.